

TRIỆT NGỘ ĐẠI SƯ THỊ CHÚNG

Thích Nguyên Chơn dịch

Đại sư húy Tế Tĩnh, tự Nạp Đường, hiệu Mộng Đông, người ở huyện Phong Nhuận, Kinh Đông, Trung Quốc; họ Mã, cha húy Vạn Chương, mẹ họ Cao. Đại sư là Tô thứ 12 của tông Tịnh Độ. Lúc nhỏ Sư rất thông minh, đĩnh ngộ. Lớn lên Sư theo Nho học, lâu thông kinh sử. Năm 22 tuổi, sau một cơn bệnh nặng, Sư ngộ được thân này là vô thường, nên phát chí xuất thế. Hết bệnh, Sư đến huyện Phòng Sơn lễ ngài Vĩnh Trì ở am Tam Thánh xuất gia, năm sau đến chùa Tự Vân cầu Luật Sư Hằng Thật thọ giới Cụ Túc. Từ đó về sau Sư tham học với các vị Long Nhất chùa Hương Giới, Huệ Ngạn chùa Tăng Thọ, Biện Không chùa Tâm Hoa, đạt được yếu chỉ kinh Viên Giác, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Kim Cang và pháp Tam Quán Thập Thừa. Mùa Đông niên hiệu Càn Long 33 (1768), Sư đến chùa Quảng Thông tham yết Thiền Sư Túy Như Thuần Ông phát minh tâm địa, được ấn khả nói đời 36 dòng Lâm Tế, đời thứ 7 phái Khánh Sơn.

Sau Sư kế thừa ngài Thuần Ông ở chùa Quảng Thông lãnh chúng tham thiền suốt 14 năm không hề mỏi mệt, tiếng tăm vang khắp hai vùng Nam Bắc. Có lần, Ngài nghĩ rằng: "Thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ là một bậc tông tượng trong Thiền môn mà còn hướng tâm về Tịnh Độ, cầu sanh An Dưỡng, ta là ai mà chẳng dám hướng tâm về?" Từ đó Ngài chủ trương Liên Tông chuyên tu tịnh nghiệp. Niên hiệu Càn Long năm 57 (1793), Sư đến chùa Giác Sanh trụ trì 8 năm, trùng tu điện đường, xây dựng phòng xá, chấn hưng Tịnh tông. Năm Gia Khánh thứ 5 (1800) Sư lui về ẩn tu ở chùa Tư Phước tại Hồng Loa, dự định đến hết đời, nhưng bốn chúng luyện mộ theo về rất đông. Sư tùy pháp thuận người nên lưu chúng, khiến nơi đây không bao lâu trở thành Tịnh Độ tông lâm nổi tiếng. Sư thông đạt yếu chỉ Thiền Tịnh, nghiêm khắc với mình, tha thiết với người, biện tài vô ngại, là bậc nhất của Phật môn đương thời.

Trước lúc thị tịch nửa tháng, Ngài biết thân hơi có bệnh, bảo đệ tử trợ niệm danh hiệu Phật, thấy trong hư không vô số tràng phan, bảo cái từ

phương Tây hiện đến. Ngài bảo chúng rằng: "Tướng Tịnh Độ đã hiện, ta sắp về Tây". Đến giờ Thân ngày 17 tháng 12 Ngài đoan tọa, mặt hướng về phương Tây, chấp tay nói rằng: "Niệm một tiếng Hồng Danh thấy một phần tướng quý và vẻ đẹp", rồi kiết ấn Di-đà, an nhiên thị tịch, hương thơm lan tỏa khắp nơi. Đề nhục thân cúng dường bảy ngày, tóc trắng biến thành đen, diện mạo như lúc còn sống, tươi nhuận lạ thường. Ngày thứ mười bốn nhập khám, ngày thứ hai một trà-tỳ, thâu được hơn trăm viên xá-lợi tôn thờ ở tháp Phổ Đồng.

Ngài sanh vào giờ Mùi ngày 14 tháng 10 niên hiệu Càn Long thứ 6 (1741), thị tịch giờ Thân ngày 17 tháng 12 niên hiệu Gia Khánh thứ 15 (1810), hưởng thọ 70, pháp lạc 48.

Tất cả pháp môn lấy việc minh tâm làm đầu, tất cả hành môn lấy việc tịnh tâm làm trọng yếu, mà **pháp trọng yếu để minh tâm không gì bằng niệm Phật**. Hiện tại niệm Phật thì mai sau nhất định thấy Phật, chẳng nhờ vào phương tiện mà tâm tự khai ngộ. Như thế, niệm Phật chẳng phải là pháp trọng yếu để minh tâm ư? Lại, **pháp trọng yếu để tịnh tâm cũng không gì bằng niệm Phật, một niệm tương ưng tức một niệm Phật, niệm niệm tương ưng tức niệm niệm Phật**. Như hạt châu thủy thanh bỏ vào trong nước đục thì nước đục chẳng thể chẳng trong; danh hiệu Đức Phật đặt vào loạn tâm thì loạn tâm chẳng thể chẳng Phật (vắng lặng). Như thế, niệm Phật chẳng phải là pháp trọng yếu để tịnh tâm ư? Một câu danh hiệu Phật gồm thâu yếu chỉ của hai môn Ngộ và Tu. Toàn ngộ thì tín ở trong ngộ, toàn tu thì chứng ở trong tu. Tín, giải, tu, chứng gồm thâu; yếu chỉ của tất cả kinh điển Đại Tiểu thừa, đều hàm nhiếp. Vậy, một câu Di-đà, há chẳng phải là Đạo chí yếu ư?

Một niệm tâm hiện tiền của chúng sanh vốn toàn chân mà thành vọng, nhưng toàn vọng tức chân, suốt ngày chẳng biến đổi, mà suốt ngày tùy duyên. Nếu chẳng thuận cảnh Phật mà niệm cảnh Phật thì liền niệm chín cõi; chẳng niệm Tam Thừa thì liền niệm Lục Phàm; chẳng niệm cõi trời người thì liền niệm Tam Đồ; chẳng niệm nga quý, súc sanh thì

liên niệm địa ngục. Phàm đã có tâm thì không thể vô niệm. Vì tâm thể vô niệm chỉ chư Phật mới chứng đắc, còn từ Đẳng Giác trở về trước đều thuộc hữu niệm. **Phàm khởi một niệm, nhất định sẽ rơi vào mười cõi, vô niệm thì vượt ngoài mười cõi. Vì không một niệm nào vượt ra khỏi mười pháp giới. Cho nên, vừa khởi một niệm tức đã có một duyên thọ sanh. Người biết rõ lý này mà không niệm Phật thì chưa từng có vậy.** Nếu tâm này tương ưng với lòng đại từ đại bi bình đẳng, công đức y chánh cho đến hồng danh vạn đức tức đã niệm pháp giới Phật vậy. Nếu tâm này tương ưng với tâm Bồ-đề, Lục Độ vạn hạnh tức đã niệm pháp giới Bồ-tát vậy. Nếu tâm vô ngã tương ưng với mười hai nhân duyên tức đã niệm pháp giới Duyên Giác. Nếu tâm vô ngã quán xét Tứ Đế tức đã niệm pháp giới Thanh Văn. Hoặc tâm này tương ưng với Tứ Thiện, Bát Định cho đến Thập Thiện thượng phẩm tức đã niệm pháp giới thiên. Nếu tâm tương ưng với ngũ giới tức đã niệm pháp giới người. Nếu tu tập các pháp Ngũ Giới, Thập Thiện mà trong tâm còn sân hận, kiêu mạn, thắng thua tức rơi vào pháp giới Tu La. Nếu dùng tâm yếu kém niệm Thập Ác hạ phẩm tức rơi vào pháp giới súc sanh; nếu dùng tâm nửa yếu kém nửa mạnh mẽ tương ưng với trung phẩm Thập Ác thì liền rơi vào pháp giới Ngạ Quỷ; nếu với tâm mạnh mẽ tương ưng với thượng phẩm Thập Ác thì liền rơi vào pháp giới Địa Ngục. Thập Ác tức là sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, ý ngữ, ác khẩu, lưỡng thiệt, tham, sân, tà kiến. Trái lại là Thập Thiện. Các ông nên thâm xét kỹ, những tâm niệm khởi lên hằng ngày tương ưng với pháp giới nào mạnh nhất thì nơi an thân lập mạng ngày sau tự có thể biết được, chẳng cần phải nhọc hỏi người.

Tất cả cảnh giới chỉ do nghiệp chiêu cảm, chỉ do tâm hiển hiện, đương thể cảnh giới ấy tức không. Phàm có tâm thì không thể không có cảnh. Cho nên, không hiển hiện cảnh Phật thì hiển hiện chín cõi, không hiển hiện cảnh Tam Thừa thì hiển hiện cảnh Lục Phàm, không hiển cảnh trời, người, ngạ quỷ, súc sanh thì hiện cảnh địa ngục. Cảnh giới Phật và Tam Thừa tuy có hơn kém khác nhau, nhưng cũng đều thọ hưởng pháp lạc. Cảnh giới chư thiên trong ba cõi chỉ thọ dụng niềm vui ngũ dục từ Thiên Định. Cảnh giới nhân gian thì khổ vui lẫn lộn, mỗi mỗi tùy theo nghiệp lực của mình mà lãnh chịu hoặc hưởng thọ khác nhau. Cảnh giới ngạ quỷ, súc sanh khổ nhiều vui ít; cảnh giới

địa ngục chỉ thuần vô lượng khổ. Như núi sông, người vật thấy trong mộng đều nương vào tâm mộng mà hiện, nếu không có tâm mộng thì không có cảnh mộng, không có cảnh mộng thì không có tâm mộng. Cho nên biết ngoài tâm không có cảnh, ngoài cảnh chẳng có tâm. Toàn cảnh tức tâm, toàn tâm tức cảnh. Nếu từ nhân mà xét quả thì nên quán tâm, nếu nơi quả mà nghiệm nhân thì nên quán cảnh. **Cho nên nói: "Chưa có cảnh vô tâm cũng không có tâm vô cảnh". Quả ắt phải từ nhân, nhân ắt phải kết quả. Nếu người biết được đạo lý tâm cảnh, nhân quả nhất như bất nhị mà còn không niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ thì tôi không tin.**

Nếu chân thật vì sanh tử mà phát tâm Bồ-đề, dùng tin sâu nguyện thiết trì niệm danh hiệu Phật thì chỉ mười sáu chữ Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi A-Di-Đà Phật đã là đại tông chỉ của pháp môn Niệm Phật. Nếu chẳng phát tâm chân thật vì sanh tử thì tất cả những lời khai thị đều là hý luận. **Tất cả những khổ não sâu rộng ở thế gian không gì hơn sanh tử.** Nếu chẳng thấu suốt sanh tử thì sanh tử tử sanh, sanh sanh tử tử không bao giờ dừng nghỉ, ra khỏi bào thai này lại vào bào thai khác; bỏ dây da này lại giữ dây da khác, còn không kham nhận nổi những thống khổ ấy. Huống gì chưa thoát luân hồi thì khó tránh khỏi đọa lạc; bào thai heo, thai chó nơi nào chẳng chui vào; dây da lừa, da ngựa cái nào chẳng giữ lấy. Thân người khó được mà lại dễ mất, một niệm lỗi lầm thì liền rơi vào đường ác. Tam đồ dễ vào mà lại khó ra, địa ngục dài lâu mà khổ não vô lượng. Từ Thất Phật đến nay còn làm loài trùng kiến, tám vạn kiếp sau chưa thoát thân bồ câu. Đường súc sanh đã dài lâu mà cõi địa ngục, ngạ quỷ còn lâu dài gấp bội. Trải qua kiếp số như hằng sa bao giờ liễu thoát, bao giờ dừng nghỉ. Vạn khổ nấu nung không nơi trở về, không ai cứu vớt. Mỗi lần nói đến việc ấy thì lông tóc dựng ngược, mỗi lần nghĩ đến việc ấy thì ngũ tạng như đốt như thiêu. Vì thế, ngay hôm nay phải thống thiết nghĩ đến sanh tử như mất cha mẹ, như cứu lửa cháy đầu.

Nhưng ta hôm nay có sanh tử thì ta mong cầu xuất ly, tất cả chúng sanh cũng đều có sanh tử thì cũng nên cầu xuất ly. Họ và ta vốn đồng một thể, đều là cha mẹ nhiều đời. Chư Phật vị lai nếu chẳng nghĩ tới việc cứu độ chúng sanh mà chỉ mong cầu tự lợi thì lý này có chỗ thiếu sót,

tâm có chỗ chưa an. Huống gì tâm đại bi chưa phát thì bên ngoài không cảm đến chư Phật, bên trong không khéo hợp bản tánh; trên chẳng thể thành tựu trọn vẹn Phật đạo, dưới không thể làm lợi ích tất cả quần sanh. Đồng thời ái ân từ vô thủy làm sao dứt bỏ, oán hận từ ngàn đời lấy gì để giải trừ; thiện căn gom nhóm từ lâu xa khó mà thành thực, pháp môn tu hành sẽ gặp nhiều chướng duyên, dầu có thành tựu cũng sẽ rơi vào nhỏ hẹp. Cho nên cần phải xứng tánh mà phát tâm đại Bồ-đề. Đã phát đại tâm thì nên tu đại hạnh, tìm cầu một pháp môn nào để tu hành nhất, dễ thành tựu nhất, thỏa đáng nhất, cùng tốt viên đốn nhất trong tất cả các pháp môn để hạ thủ công phu. Pháp môn ấy không gì bằng tin sâu nguyện thiết trì danh hiệu Phật. **Tin sâu tức là tin vào Phạm âm của Thích-ca Như Lai nhất định không hư dối, tin tâm nguyện đại từ đại bi của Di-đà Thế Tôn nhất định không phải là nguyện suông.** Và lại dùng nhân niệm Phật cầu vãng sanh thì nhất định sẽ cảm được quả thấy Phật mà được vãng sanh. Như trồng dưa được dưa, tía đậu được đậu, vang ắt ứng theo tiếng, ảnh ắt tùy theo hình. Nếu nhân chẳng luống bỏ thì quả ắt không mất. Điều đó không cần đợi phải hỏi Phật, mà có thể tự tin nơi mình vậy. Huống gì một niệm tâm tánh hiện tiền của chúng ta toàn chân mà thành vọng, toàn vọng tức chân, suốt ngày tùy duyên, suốt ngày bất biến; ngang thì khắp mười phương, dọc thì suốt ba thời, Tịnh Độ Di-Đà không ngoài đương thể đều bao hàm trong đó. Dùng tâm có Phật nơi ta để niệm Phật nơi tâm ta, há Phật nơi tâm ta chẳng ứng tâm có Phật nơi ta ư ?

Vãng Sanh Truyện có nói đến thụ tướng lúc lâm chung, mình bạch rõ ràng há lại dối ta ư? Tin như thế rồi thì tâm ưa thích càng mạnh mẽ, dùng niềm vui của Tịnh Độ quán xét lại cảnh khổ Ta-bà thì tâm muốn xa lìa càng sâu nặng, như lìa hầm phân, như ra khỏi lao ngục. Dùng cảnh khổ Ta-bà quán xét cảnh an lạc ở Tịnh Độ thì tâm vui thích chí thiết, như trở về cố hương, như hướng đến kho báu. Tóm lại, như khát nghĩ đến nước, như đói nghĩ đến cơm, như bệnh nặng nghĩ đến thuốc hay, như con thơ nhớ mẹ hiền; như bị kẻ thù cầm dao rượt đuổi, như rơi vào lửa nước mà gấp cầu cứu nạn. Nếu khẩn thiết như vậy thì tất cả cảnh duyên không thể dẫn dắt, xoay chuyển ta được. Sau đó dùng tâm tín nguyện này trì niệm danh hiệu Phật, niệm một tiếng là một chủng tử cửu liên hoa, niệm một câu là một chánh nhân vãng sanh Tịnh Độ. Tâm

tâm cần tương tục, niệm niệm chẳng gián đoạn. **Phải chuyên, phải cần, không xen tạp, càng lâu ngày thì càng kiên cố, càng trì niệm thì càng thiết tha. Lâu ngày chảy thành tảng, đạt được nhất tâm bất loạn vậy. Thật đúng như thế, nếu chẳng vãng sanh thì Thích-Ca Như Lai trở thành người vọng ngữ, nguyện của Di-Đà Thế Tôn trở thành nguyện suông. Há có lý này ư?**

Pháp môn "chỉ thẳng tâm người thấy tánh thành Phật" của Thiền tông so với pháp môn "tâm này làm Phật, tâm này là Phật" trong Quán Kinh thì không thẳng tắt và mau chóng bằng. Vì sao? Vì thấy tánh thì khó mà làm Phật thì dễ. Thế nào là thấy tánh? Đó là xa lìa tâm ý thức, linh minh hiển lộ. Vì khởi đầu phải thấy tánh cho nên khó. Thế nào là làm Phật? Đó là trì niệm danh hiệu Phật, quán Y báo, Chánh báo của Phật cho nên dễ. Kinh ghi rằng: "Khi tâm các ông nghĩ đến Phật thì tâm này tức 32 tướng đại trượng phu, 80 vẻ đẹp tùy hình. Như thế há chẳng phải dùng tướng Phật niệm Phật để được làm Phật sao? Phàm "thành Phật, là Phật", theo lý không hai đường, nhưng "thấy tánh" và "làm Phật" thì khó dễ khác nhau rất xa. Như vậy há chẳng phải Niệm Phật mau chóng và thẳng tắt hơn Tham Thiền ư? Một là lời của chư Tổ, một là lời của chư Phật, bên nào trọng bên nào khinh, lời nào nên lấy lời nào nên bỏ, người học cần phải biết rõ. Xa lìa thói quen cũ, lắng tâm bình khí thản kiểm điểm xem, ắt sẽ chấp nhận lời này là không sai lầm vậy!

Sau khi Thiền Sư Thạch Sương viên tịch, đại chúng suy cử Thủ Tọa Thái kế thừa trụ trì. Lúc bấy giờ ngài Cửu Phong Kiên làm thị giả nói rằng: "Nếu kế thừa, cần phải thấu rõ ý của Tiên Sư!"

Thủ Tọa Thái hỏi rằng: "Tiên sư có ý gì, ta chưa thể hội được!"

Thị giả Kiên đáp: "Bình thường Tiên Sư dạy mọi người rằng: 'Hãy dùng nghỉ đi, hãy dứt bật đi, hãy lặng lẽ đi, hãy như lò hương trong ngôi miếu cổ đi, hãy như một dải lụa trắng đi, hãy vạm vỡ nhất niệm đi. Còn tất cả những điều khác thì không hỏi đến. Thế nào là như một dải lụa trắng?'

Thủ tọa Thái đáp rằng: "Đó chỉ là nói về việc của một sắc".

Thị giả Kiền nói rằng: "Ông chưa từng hiểu ý của Tiên sư".

Thủ tọa Thái bảo rằng: "Hãy thắp hương lên, nếu khói hương vừa hết mà ta không đi được, tức không hiểu ý của Tiên Sư".

Mọi người liền thắp hương, khói chưa kịp tan thì Thủ Tọa Thái đã thị tịch. Thị giả Kiền vỗ lưng Thủ Tọa nói rằng: "Ngồi thoát hóa, đứng viên tịch tức chẳng phải không, nhưng ý của Tiên Sư thì chưa từng mộng thấy".

Ngài Tào Sơn đang ngồi ở tầng đường thì gặp Chỉ Y Đạo Giả đi ngang qua, Tào Sơn nói rằng: "Chỉ Y Đạo Giả đó ư?"

Chỉ Y đáp: "Không dám!"

Ngài Tào Sơn hỏi: Thế nào là việc của Chỉ Y?

Đáp: Áo lông cừu vừa khoác lên thân thì vạn pháp đều Như.

Hỏi: Thế nào là dụng của Chỉ Y ?

Chỉ Y dạ một tiếng rồi thị tịch. Ngài Tào Sơn nói rằng: "Người chỉ biết đi như thế mà chẳng biết đến như thế".

Chỉ Y liền mở mắt hỏi rằng: Khi chơn tánh linh minh không nương gá bào thai thì thế nào?

Ngài Tào Sơn nói: Cũng chưa phải là kỳ diệu.

Phàm ngồi thoát hóa, đứng yên thị tịch mà chưa rõ được đại pháp thì chắc chắn chưa liễu ngộ. Nhưng công phu tham học nào phải dễ dàng. Nếu có thể xoay chuyển một mảnh tinh thần này, chuyên tâm niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ thì nhất định sẽ đạt được thượng phẩm thượng sanh, há phải cần gặp người để ấn chứng sao? Như Chỉ Y Đạo Giả hỏi rằng: "Thế nào là kỳ diệu?" Ngài Tào Sơn đáp: "Chẳng nương gá". Chỉ Y liền từ biệt mà thị tịch.

Ồi! Nói chẳng nương gá mà lại nương gá vào bào thai xú uế, chẳng bằng nói chẳng nương gá mà nương gá nơi hoa sen thanh tịnh. Như luận đến bào thai xú uế và hoa sen thanh tịnh thì hơn kém đã cách xa. Huống gì xuất thai cách ấm, chẳng dễ dàng làm chủ. Còn khi hoa sen vừa nở thì đã đầy đủ thắng duyên. Vậy kiếp và ngày lâu mau, đất trời xa cách, cũng đâu đủ để dụ cho việc hơn kém ấy. Cho nên chẳng lạ gì khi nghe Đại Sư Vĩnh Minh Diên Thọ nói rằng: "Có Thiền mà không có Tịnh, mười người lầm lạc hết chín, không Thiền mà có Tịnh thì vạn người tu vạn người đạt". Đó là lời chân thật, là lời thống thiết phát xuất từ tâm đại từ bi; xin người học chớ bỏ qua.

Đầu tiên mê chân khởi vọng thì gọi là một niệm vọng động; cuối cùng phản vọng trở về chân thì gọi là một niệm tương ưng. Thế thì sau khi khởi vọng và trước khi trở về chân, khoảng giữa đó lại có pháp gì bên ngoài một niệm này? Vì thế một niệm ngộ tùy theo duyên Tịnh, tức pháp giới Phật. Một niệm mê tùy duyên nhiễm tức chín pháp giới. Mười phương hư không là tại một niệm mê muội này; tất cả Tịnh Độ là từ một niệm lắng trong này. Tứ sanh chánh báo cũng từ một niệm tình tưởng này hợp tan mà được. Tứ đại y báo cũng là từ một niệm này động tịnh, thuận nghịch mà có. Nương vào một niệm này mà biến hiện các pháp, là một niệm này thì không pháp nào có được. Một niệm này vốn là pháp giới theo duyên mà khởi; duyên không có tự tánh thì toàn thể là pháp giới. Cho nên ngang thì cùng khắp mười phương, dọc thì xuyên suốt ba thời; là lỗi bất lâm, chẳng thể nghĩ bàn. Pháp nhĩ đầy đủ oai thần này, đầy đủ công dụng này. Nay dùng niệm này mà niệm Đức Phật Di-Đà, cầu sanh Tịnh Độ, thì đang lúc niệm, y chánh của Tây phương đã ở trong tâm ta, đồng thời tâm ta cũng đã ở trong y chánh của Tây phương vậy. Như hai gương đối diện soi chiếu lẫn nhau. Đó là tướng “ngang cùng khắp mười phương” vậy. Nếu theo nghĩa “dọc xuyên suốt ba thời” thì khi niệm Phật, tức khi thấy Phật cũng là lúc thành Phật, khi cầu vãng sanh tức là lúc vãng sanh cũng là khi độ sanh. Ba thời cùng lúc, không có trước sau. Như ánh sáng của hạt châu trên lưới trời Đê Thích cũng khó sánh đồng toàn thể; nhưng sự việc trong giấc mộng Nam Kha thì tạm cho “cùng thời”. Ngộ lý này thật khó, nhưng tin thì rất dễ, chỉ cần ngay đó thừa đương thì cuối cùng nhất định được toàn thân thọ dụng. Đến đây có thể cho rằng việc tham học đã mãn, việc làm đã

xong. Hoặc chưa thể đạt được thì chỉ cần tùy thuận quán xét, tùy phần thọ dụng vậy.

Tâm tạo nghiệp thì tâm cũng chuyển được nghiệp. Nghiệp do tâm tạo thì nghiệp tùy tâm chuyển. Nếu tâm chẳng chuyển được nghiệp, tức bị nghiệp trói buộc. Nếu nghiệp chẳng chuyển theo tâm tức nghiệp trói buộc tâm. Vì sao tâm chuyển được nghiệp? Vì tâm hợp với đạo, tâm hợp với Phật. Vì sao nghiệp trói buộc được tâm? Vì tâm nương gá theo trần cảnh, mặc tình tạo tác, mặc tình lãnh thọ. **Tất cả cảnh giới hiện tiền và quả báo vị lai đều do nghiệp cảm nên, đều do tâm hiển hiện. Do nghiệp cảm thì cảnh giới hiện tiền và quả báo vị lai đều nhất định, vì nghiệp trói buộc tâm.** Do tâm hiển hiện thì cảnh giới hiện tiền và quả báo vị lai đều bất định, vì tâm chuyển được nghiệp. Người tu hành, nếu đang lúc nghiệp trói buộc tâm, cảnh giới hiện tiền và quả báo vị lai nhất định mà bỗng nhiên phát tâm rộng lớn, tu hạnh chân thật khiến tâm hợp với đạo, hợp với Phật thì tâm chuyển được nghiệp. Bấy giờ cảnh giới hiện tiền và quả báo vị lai vốn nhất định trở thành bất định. Nếu đang lúc tâm chuyển nghiệp, cảnh giới hiện tiền và quả báo vị lai bất định mà bỗng nhiên đại tâm lui sụt, hạnh chân thật thiếu sót thì nghiệp trở lại trói buộc tâm. Bấy giờ cảnh giới hiện tiền và quả báo vị lai vốn bất định trở thành nhất định. Nhưng nghiệp đã tạo ở quá khứ thì nay không biết làm sao? Có mong cầu mà phát tâm hay không? Cốt yếu là tại nơi ta, vì ta tạo nghiệp thì ta chuyển nghiệp, chứ chẳng phải do người khác. **Nếu ngay hôm nay ta phát tâm niệm Phật cầu sanh Cực Lạc, hoặc quán y báo, chánh báo, hoặc trì niệm danh hiệu Phật. Niệm niệm liên tục, quán và niệm đến chỗ rốt ráo thì tâm hợp với Phật; hợp rồi lại hợp, hợp đến chỗ cùng tột thì tâm chuyển được nghiệp.** Bấy giờ cảnh giới Ta-bà hiện tiền chuyển thành Cực Lạc; quả báo vị lai trong thai mẹ chuyển thành thai hoa sen, liền được làm người tự tại ở Lạc bang. Nếu đang lúc ấy tâm kia bỗng nhiên mất đi sức quán chiếu, hoặc bỗng sanh lui sụt, khiến tâm không hợp với Phật thì nghiệp trói buộc tâm; cảnh hiện tiền vẫn như cũ, quả báo vị lai vẫn y nhiên, trở lại làm chúng sanh khốn khổ ở Uế Độ. Thế thì chúng ta đã có tâm xuất ly, cầu sanh Tịnh Độ há chẳng kinh sợ mà cảnh giác, phần chần mà phát tâm ư?

NGUYỆN là điều kiện tối quan trọng trong pháp môn Tịnh Độ, phàm đã Nguyên cuối cùng ắt sẽ mãn nguyện. Như ông Uất-đầu-lam-phất tu tập định Phi Phi Tướng bên bờ suối trong rừng sâu, mỗi khi định sắp thành tựu, phần nhiều bị các loài chim cá kinh động. Do đó ông ấy phát lời nguyện ác rằng: "Ngày sau ta sẽ làm con chồn bay vào rừng ăn chim, xuống sông bắt cá". Quả thật về sau thành tựu định Phi Phi Tướng sanh lên cõi trời thọ tám vạn đại kiếp, phước trời hết đọa làm con chồn bay, vào rừng ăn chim, xuống sông bắt cá. Đó là nguyện ác trái với chân tánh mà còn có lực dụng lớn, sau tám vạn kiếp mới thành tựu, huống gì nguyện thiện hợp với chân tánh?

Thần Tăng Truyền chép rằng: Một vị tăng ở trước tượng Phật đá phát nguyện đùa rằng: "Nếu đời này ta không liễu ngộ được sanh tử, nguyện đời sau làm một Đại Thần uy vũ". Quả thật đời sau vị này là một Đại Tướng Quân. Đây là nguyện đùa mà còn được thỏa mãn, huống gì nguyện do tâm chí thành phát khởi? Lại chép rằng: Có một vị Tăng lâu thông kinh luận, nhưng đến nơi đâu cũng không được đãi ngộ, bèn buồn rầu than thở. Vị Tăng bên cạnh thấy thế nói rằng: "Ông học Phật pháp, há chẳng nghe nói khi chưa thành Phật, trước phải kết duyên với mọi người. Tuy ông thông hiểu Phật pháp, nhưng vì sao vô duyên với chúng sanh?" Vị Tăng kia nói rằng: "Ta ở nơi đây suốt đời ư?" Vị Tăng bên cạnh nói: "Ta sẽ thay ông làm việc ấy". Lại hỏi rằng: "Ông còn cất giữ vật gì chẳng?" Đáp: "Chỉ một chiếc y, chứ không còn gì khác". Vị Tăng nói: "Chùng ấy cũng đủ rồi". Vị Tăng liền bán chiếc y mua thực phẩm, dẫn vị tăng kia vào một khu rừng sâu, nơi có nhiều cầm thú côn trùng sinh sống, đặt thực phẩm trên đất, bảo vị Tăng kia phát nguyện. Sau đó dặn rằng: "Hai mươi năm sau ông mới nên khai pháp".

Vị Tăng kia làm đúng theo như lời dặn, sau hai mươi năm mới khai pháp. Bây giờ người đến thọ giáo phần lớn đều là những thiếu niên. Bởi vì họ đều là hậu thân của những loài cầm thú côn trùng thọ thực khi xưa. Nguyện lực này chẳng thể nghĩ bàn, có thể dùng nguyện của người khác nhiếp hóa loài côn trùng cầm thú thoát khỏi thân dị loại, sanh vào cõi người. Vậy nguyện của chính mình há chẳng độ được mình ư? Đức Di-Đà do bốn mươi tám nguyện mà chứng đắc Phật Quả, nguyện của ta

nếu hợp với nguyện độ sanh của chư Phật, thì chỉ cần phát nguyện liền được vãng sanh, huống gì Phật có sức đại từ đại bi chẳng thể nghĩ bàn ?

Như Oánh Kha là người tham đắm rượu thịt vô độ, khi đọc Vãng Sanh Truyện, mỗi lần đọc qua một truyện thì mỗi lần gật đầu. Sau đó ông nhin ăn niệm Phật, đến bảy ngày cảm đức Phật hiện thân an ủi rằng: "Tuổi thọ của ngươi còn mười năm, nên chuyên tâm niệm Phật, sau mười năm ta sẽ đến đón". Oánh Kha bạch rằng: "Cõi Ta-bà nhiều ác trước, dễ mất chánh niệm. Con xin được sớm vãng sanh Tịnh Độ, phụng sự chư thánh". Đức Phật dạy rằng: "Chí của ngươi đã như thế, ba ngày sau ta sẽ đến đón". Quả thật, ba ngày sau Oánh Kha được vãng sanh.

Thiền sư Hoài Ngọc siêng tu tịnh nghiệp. Một hôm, thấy Phật và Bồ-tát hiện đầy khắp trong hư không. Một vị tay cầm đài bạc bước vào, sư Hoài Ngọc nghĩ rằng: "Ta một đời siêng năng tu tập, ý muốn đài vàng, hôm nay vì sao chẳng được?" Vừa suy nghĩ xong thì đài bạc liền ẩn mất. Sư Hoài Ngọc càng siêng năng tu tập, hai mươi một ngày sau lại thấy chư Phật và Bồ-tát hiện đầy khắp hư không. Vị cầm đài bạc khi trước, nay đổi cầm đài vàng hiện đến. Sư Hoài Ngọc lặng yên thị tịch.

Lưu Di Dân nương kết xã niệm Phật ở Đông Lâm, một hôm đang niệm Phật, bỗng thấy chư Phật hiện thân. Di Dân nghĩ rằng: "Ước gì được Như Lai lấy tay xoa đầu?" Đức Phật liền lấy tay xoa đầu. Lưu Di Dân lại nghĩ: "Ước gì được Như Lai lấy y phủ lên thân?" Đức Phật liền lấy y phủ thân.

Than ôi! Đức Phật thỏa mãn tất cả ước nguyện của chúng sanh, thật có thể cho là bậc cha mẹ đại từ đại bi vậy. Muốn chóng được vãng sanh liền cho chóng vãng sanh, muốn đài vàng thì liền đổi đài vàng, muốn xoa đầu liền được xoa đầu, muốn được y phủ thân liền được y phủ thân. Phật đã từ bi với tất cả chúng sanh, há chỉ không từ bi với ta sao? Phật đã thỏa mãn tất cả ước nguyện của chúng sanh, há chỉ không thỏa mãn ước nguyện của ta sao? Tâm đại từ đại bi không chọn lựa thì đâu có lý này? Vì thế chân thật phát nguyện thì tin đã ở trong nguyện. Tín và

Nguyện đã chân thì hạnh không cầu khởi đã tự khởi. Thế thì ba món tư lương Tín, Hạnh, Nguyện chỉ một chữ Nguyện đã gồm thâm tất cả.

Ở thế gian, cái đáng quý trọng nhất là tinh thần, đáng mến tiếc nhất là thời gian. Một niệm thanh tịnh là duyên khởi của Phật giới, một niệm nhiễm ô là sanh nhân vào chín cõi. Phàm động một niệm tức tạo chủng tử mười cõi, như thế há chẳng quý trọng ư? **Một ngày đã trôi qua, mạng cũng theo đó mà giảm dần, một tắc thời gian tức một đoạn thọ mạng, như thế há chẳng mến tiếc ư? Nếu biết tinh thần là cái đáng quý trọng, chớ nên uổng phí, phải nên niệm niệm chấp trì danh hiệu Phật.** Thời giờ chẳng để luống qua thì khắc khắc phải huân tu tịnh nghiệp. Ví như bỏ danh hiệu Phật mà tu Tam Thừa Thánh Hạnh, đó cũng là uổng phí tinh thần. Giống như dùng cây cung ngàn cân mà bắn loài chuột nhắt. Huống gì tạo nghiệp lục phàm sanh tử? Ví như bỏ Tịnh nghiệp mà giữ lấy Quyền Thừa Tiểu Quả, đó cũng là uổng phí thời gian. Giống như dùng hạt châu Như Ý mà đổi lấy một mảnh áo, một miếng cơm, huống gì giữ lấy quả trời người hữu lậu?

Quý trọng như thế, mến tiếc như thế thì tâm chuyên nhất mà Phật dễ cảm hiện, hạnh siêng năng mà đạo nghiệp dễ tinh chuyên. Nhất định được vãng sanh Tịnh Độ, tự thân thấy Đức Phật Di-đà, tức thời thọ nhận khai thị, đối diện tuân phụng từ âm, diệu ngộ tự tâm, chứng đắc pháp giới. Kéo một niệm làm trường kiếp, rút một kiếp thành một niệm. Kiếp và niệm viên dung, được đại tự tại. Điều đó há chẳng phải đã thọ nhận được diệu quả từ sự quý trọng và mến tiếc ư?

Phàm Kiến đạo rồi sau mới Tu đạo, Tu đạo rồi sau mới Chứng đạo. Đó là con đường chung của ngàn thánh, là định luật không đổi từ ngàn xưa. Nhưng Kiến đạo há dễ bàn đến ư? Nếu căn cứ theo Giáo thừa ắt phải tâm khai ý giải. Nếu y cứ theo Tông môn, phải vượt qua trùng quan. Sau đó mới được nói đến Tu đạo. Nếu không thì liền trở thành tu mù luyện chột, không tránh khỏi va tường đụng vách, rơi vào hầm, rớt xuống hố. Nhưng pháp môn Tịnh Độ thì không như vậy, về phương Tây cách đây hơn mười vạn ức cõi Phật, có một thế giới tên là Cực Lạc. Đức Phật ở cõi ấy hiệu là A-di-đà hiện nay đang thuyết pháp. Chỉ cần tin sâu lời Phật, nương vào đó mà phát nguyện trì niệm danh

hiệu Phật. Dùng tri kiến Phật làm tri kiến mình, bắt tất phải cầu đốn ngộ. Các pháp môn khác trước tiên cần phải ngộ, sau đó y theo pháp đã ngộ mà tu tập. Nhiếp tâm thành định, nhân định phát huệ, nhờ huệ mà đoạn hoặc. Huệ đã phát có hơn kém thì hoặc được đoạn có cạn sâu. Được như vậy mới có thể luận đến lui sụt hay không lui sụt. **Còn trong pháp môn Tịnh Độ, chỉ cần dùng tâm tín nguyện chuyên trì danh hiệu Phật cho đến nhất tâm bất loạn, tịnh nghiệp nhất định sẽ đại thành, mai sau nhất định vắng sanh. Một khi đã vắng sanh thì vĩnh viễn không còn lui sụt.** Lại các pháp môn khác, trước cần sám hối hiện nghiệp, nếu không sẽ chướng đạo, không có đường tiến tu. Còn người tu tịnh nghiệp thì đời nghiệp vắng sanh, không cần sám hối. Vì một lời chí tâm niệm Phật có thể tiêu diệt được tội nặng sanh tử trong tám mươi ức kiếp. Các pháp môn khác cần phải đoạn trừ phiền não. Nếu còn mảy may phiền não Kiến, Tư chưa đoạn thì chưa dứt được Phần Đoạn Sanh Tử, chẳng thể xuất ly quốc độ Đồng Cư. Chỉ có người tu tịnh nghiệp mới vượt ra khỏi ba cõi, không cần đoạn phiền não, mà từ cõi Đồng Cư này sanh về cõi Đồng Cư kia. Một khi đã sanh về, thì cội gốc sanh tử vĩnh viễn đoạn dứt, thời thời thấy Phật, khắc khắc nghe pháp; y phục thức ăn, phòng xá tự nhiên hiện ra mà thọ dụng. Nước, chim, cây cối đều thuyết pháp. Trong cõi Đồng Cư gặp được các thượng thiện nhân của ba Tịnh Độ trên (Phương Tiện Hữu Dư độ, Thật Báo Vô Chướng Ngai độ, Thường Tịch Quang Tịnh Độ) đồng tập hội một chốn, chứng đắc viên mãn ba bất thoái, được giai vị Nhất Sanh Bỏ Xứ. Thế thì pháp môn Tịnh Độ, khởi đầu không cầu khai ngộ, cuối cùng chẳng đợi phát huệ, chẳng cần sám nghiệp, chẳng đoạn phiền não. Thật là vô cùng tiết lược, vô cùng thẳng tắt. Nhưng chứng nhập thì vô cùng rộng lớn, rốt ráo viên mãn. **Người học nên lắng tâm suy nghĩ mà chọn lựa cho thật đúng, không vì một lúc cống cao mà mất đi lợi ích lớn lao thù thắng này.**

Có người nghèo khổ nhìn từ xa thấy một râu tiền, liền chạy đến định nhặt lấy, bỗng thấy là một con rắn, liền trở mắt đứng nhìn. Lại có một người khác chạy đến nhặt lấy râu tiền mang đi. Đó chính là tiền chứ không phải là rắn, sở dĩ thấy thành rắn là do nghiệp cảm nên, do tâm biến hiện. Thấy rắn từ râu tiền, nhất định là do tâm hiện nghiệp cảm. Vậy thấy tiền từ rắn há chẳng phải do nghiệp cảm, tâm hiện ư? Rắn biến

từ tiền do nghiệp riêng của một người vọng thấy; còn tiền thành từ rần là do nghiệp đồng phần của nhiều người vọng thấy. Vọng thấy của một người thì hư vọng dễ biết; còn vọng thấy của nhiều người thì hư vọng thật khó biết. Dùng dễ biết để so sánh với khó biết, thì khó biết cũng trở thành dễ biết. Thế thì rần chắc chắn là rần, tiền cũng là rần. Do đó biết căn thân bên trong, cảnh giới bên ngoài từ một phương, mười phương, bốn đại châu cho đến tam thiên đại thiên thể giới cũng đều như rần hiện từ sâu tiền. Nhưng rần do tâm đã hiện thì liền có thể căn người, tiền do tâm đã hiện thì liền có thể thọ dụng được. Chẳng nên cho rằng chỉ do tâm mà không có cảnh bên ngoài. Vả lại, uế khổ ở Ta-bà hay là tịnh lạc của cõi An Dưỡng đều do tâm hiện. Uế khổ do tâm hiện thì liền bị bức bách; tịnh lạc do tâm hiện thì được thọ dụng. Uế khổ hay tịnh lạc đều do tâm hiện, vì sao lại không bỏ uế khổ do tâm mà giữ lấy tịnh lạc bởi tâm, để cam chịu trải qua hằng sa số kiếp bị tám khổ nấu nung bức bách ?

Sự sanh tử của con người chỉ do hai lực tạo nên, một là tâm lực thật nhiều mối, bên nào nặng thì nghiêng về. Hai là nghiệp lực, như người mang nợ, mạnh thì kéo dắt trước. Nghiệp lực rất lớn mà tâm lực còn lớn hơn. Vì nghiệp lực không có tự tánh, chỉ hoàn toàn nương vào tâm. Tâm hay tạo nghiệp, thì tâm cũng chuyển được nghiệp. Tâm lực có nặng, nghiệp lực có mạnh thì mới dẫn dắt thọ sanh. Nếu dùng tâm nặng này mà tu tịnh nghiệp thì tịnh nghiệp rất mạnh. Tâm nặng nghiệp mạnh thì chỉ một bề nghiêng về Tây phương mà thôi. Thế thì mai sau thân chung mạng tận nhất định vãng sanh Tây phương chứ chẳng thể sanh vào chốn khác. Như cây lớn, tường cao bình thường đã nghiêng về hướng Tây, mai sau nếu có đổ hẳn sẽ không đổ về hướng khác. Thế nào là tâm sâu nặng? Như chúng ta chuyên tu tịnh nghiệp, trong đó Tín quý ở chỗ sâu bền, Nguyện quý ở chỗ tha thiết, không bị bất cứ tà thuyết nào mê hoặc hay làm giao động, không bị tất cả cảnh duyên nào xoay chuyển. Nếu đang lúc chuyên tu Tịnh nghiệp, dầu có Đại Sư Đạt-ma bỗng nhiên hiện đến nói rằng: "Ta có pháp Thiên chỉ thẳng tâm người thấy tánh thành Phật, ông hãy lìa bỏ niệm Phật, ta sẽ trao pháp Thiên này cho ông". Bấy giờ ta nên đánh lễ Tổ Sư mà bạch: "Trước, con đã lãnh thọ pháp môn Niệm Phật của Thích-Ca Như Lai, phát nguyện tu trì suốt đời chẳng thay đổi. Tuy Tổ

Sư có pháp Thiền thâm diệu, nhưng con chẳng dám trái với bốn nguyện". Dẫu có Đức Thích-Ca Như Lai bỗng hiện thân đến dạy rằng: "Trước kia ta đã thuyết môn niệm Phật, đó chỉ là phương tiện nhất thời. Nay ta lại có pháp môn thù thắng khác siêu việt hơn. Ông nên lìa bỏ pháp niệm Phật, ta sẽ nói thắng pháp cho ông nghe". Cũng như thế, ta cúi đầu lễ Phật mà bạch rằng: "Trước kia con đã lãnh thọ pháp môn Tịnh nghiệp của Thế Tôn, dù chỉ còn một hơi thở, con quyết cũng chẳng đổi thay. Tuy Như Lai có thắng pháp, nhưng con chẳng dám trái với bốn nguyện". Dù Phật, Tổ hiện thân còn chẳng thay đổi được tín tâm, huống gì Ma vương, ngoại đạo, tà thuyết hư vọng mà có đủ năng lực mê hoặc ta ư? Tín được như thế mới gọi là sâu vậy. Nếu có bánh xe sắt nóng đỏ xoay chuyển sát đầu ta, cũng chẳng lấy sự khổ này mà lui sụt tâm nguyện vắng sanh. Nếu năm dục thắng diệu của Luân vương hiện trước mặt, cũng không vì niềm vui này mà lui sụt tâm nguyện vắng sanh. Dù thuận nghịch cùng tột cũng không đổi được tâm nguyện, huống gì cảnh giới thuận nghịch nhỏ bé của thế gian mà xoay chuyển được ta sao? Nguyện như thế mới thật là nguyện chí thiết. Tin sâu Nguyện thiết, đó là dùng tâm sâu nặng mà tu Tịnh nghiệp thì nghiệp nhất định mạnh. Vì tâm nặng thì dễ chuyên nhất, nghiệp mạnh mẽ thì dễ thuần thực. Nếu tịnh nghiệp Cực Lạc thuần thực thì nhiễm duyên Ta-bà liền dứt. Nếu nhiễm duyên Ta-bà đã dứt, khi lâm chung, dù muốn cảnh giới luân hồi trở lại hiện tiền thì cũng chẳng thể được. Nếu tịnh nghiệp đã thuần thực, khi lâm chung dù muốn tịnh độ Di-Đà chẳng hiện thì cũng không thể được. Nhưng Tín và Nguyện này lúc bình thường cần phải kiên cố thì khi lâm chung mới không rơi vào đường nhỏ hẹp. Như cổ đức lúc lâm chung, chư thiên cõi Dục đến tiếp dẫn, nhưng các ngài chẳng chịu đi, chỉ một lòng đợi Phật. Sau đó chư Phật hiện, liền nói rằng: "Chư Phật đã đến", rồi chấp tay thị tịch.

Lúc lâm chung tứ đại phân ly, đây là thời khắc nào? Chư thiên cõi Dục đến tiếp dẫn là cảnh giới nào? Nếu bình thường tín nguyện chưa đạt đến mười phần kiên cố thì đến lúc này, gặp cảnh này mà gượng làm chủ thể được sao? Như bậc cổ đức kia đáng gọi là tiêu biểu cho những người chuyên tu Tịnh nghiệp xưa nay.

Có một Thiền sư hỏi rằng: "Tất cả các pháp đều như mộng, Ta-bà ắt hẳn là mộng, vậy tịnh độ Cực Lạc cũng là mộng. Đồng là cảnh mộng, tu tập có ích gì?" Tôi đáp rằng: "Bồ-tát từ Thất Địa trở về trước ở trong mộng mà tu đạo; đại mộng vô minh, Bồ-tát Đẳng Giác vẫn còn mê. Chỉ có chư Phật mới gọi là Đại Giác. Khi còn trong mộng chưa tỉnh thức thì khổ vui rõ ràng. Mộng lãnh thọ cực khổ nơi Ta-bà đâu bằng mộng lãnh thọ diệu lạc ở cõi Tịnh Độ. Huống gì mộng ở Ta-bà là từ mộng vào mộng, mộng rồi lại mộng, mãi mãi trầm mê. Còn mộng ở cõi Cực Lạc là từ mộng để vào giác, giác rồi lại giác, dần dần đạt đến Đại Giác. Thế nên, mộng tuy đồng mà nguyên nhân của mộng thì chưa từng đồng. Há có thể luận một cách khái quát ư?

Biển lớn Phật pháp chỉ có Tín mới vào được. Đối với pháp môn Tịnh Độ thì Tín lại càng trọng yếu. Vì trì danh niệm Phật là hành xứ sâu xa của chư Phật, chỉ có Bồ-tát Nhất Sanh Bồ Xứ mới biết được ít phần, còn tất cả các hiền thánh khác thì chỉ nên tin thuận mà thôi. Bởi đó chẳng phải là chỗ nhận biết của trí, huống gì phàm phu hạ liệt mà biết được ư? Trong mười một pháp thiện thì Tín là đầu tiên, trước Tín không có pháp thiện nào khác. Trong năm mươi lăm giai vị, Tín vị là đầu tiên. Trước Tín vị không có thánh vị nào khác. Cho nên Bồ-tát tạo Luận Khởi Tín, Tổ Sư soạn Tín Tâm Minh. Dùng một pháp Tín tâm làm yếu môn vào đạo. Khi xưa, Vương Trọng Hồi hỏi Dương Vô Vi: "Niệm Phật như thế nào mới không gián đoạn?" Dương đáp rằng: "Sau khi đã tin thì không còn nghi". Vương vui vẻ ra về. Không bao lâu Dương nằm mộng thấy Trọng Hồi đến cảm tạ: "Nhờ ơn ngài chỉ dạy mà được lợi ích lớn, nay tôi đã vãng sanh Tịnh Độ". Về sau, Dương gặp con của Trọng Hồi, hỏi thăm về quang cảnh và thời gian Trọng Hồi ra đi. Thật đúng vào ngày Vương mộng thấy. Ôi! Khi đã tin thì lợi ích rộng lớn đến như vậy ư?

Vào thời quá khứ, Tỳ-kheo Pháp Tạng đối trước đức Phật Thế Tự Tại Vương phát bốn mươi tám đại nguyện. Trải qua vô lượng kiếp, Ngài nương vào nguyện này tu tập đại hạnh, đến lúc nhân viên quả mãn, thành tựu Phật đạo lấy hiệu là Di-đà, thế giới tên là Cực Lạc. Sở dĩ gọi là Di-đà bởi vì Ngài đã chứng đắc sâu xa lý duy tâm tự

tánh. Vậy Cực Lạc Di-đà này chẳng phải là tự tánh Di-đà, Duy Tâm Cực Lạc ư? Vì tâm tánh này bình đẳng nơi Phật và chúng sanh, không chỉ thuộc về Phật cũng không chỉ thuộc về chúng sanh. Nếu cho tâm thuộc Di-đà thì chúng sanh là chúng sanh trong tâm Di-đà. Nếu cho tâm thuộc chúng sanh thì Di-đà là Di-đà trong tâm chúng sanh. Dùng chúng sanh trong tâm Di-đà để niệm Di-đà trong tâm chúng sanh, há Di-đà trong tâm chúng sanh chẳng ứng chúng sanh trong tâm Di-đà sao? Chỉ vì Phật ngộ tâm này, giống như người lúc tỉnh; chúng sanh mê tâm này giống như người trong mộng. Rồi người lúc tỉnh thì không có riêng người trong mộng. Vậy là người trong mộng, há có riêng người khi tỉnh ư? Nhưng người trong mộng chẳng nên tự nhận là chân, cũng chẳng nên là người trong mộng mà tìm cầu một người tỉnh nào khác. Chỉ cần luôn nhớ nghĩ đến người lúc tỉnh, nhớ nghĩ rồi lại nhớ nghĩ thì sẽ thấy đại mộng dần dần tỉnh thức, mắt mộng rộng mở. Tức người hay nhớ nghĩ trong mộng liền trở thành người tỉnh được nhớ nghĩ, mà người lúc tỉnh chẳng phải là người trong mộng. Người trong mộng thì nhiều, người tỉnh thì chỉ một. Các Như Lai ở mười phương đồng một Pháp Thân, một tâm, một trí huệ; mười lục, bốn vô úy cũng như thế. Đó chính là tức một tức nhiều, hằng đồng hằng biệt, pháp nhĩ tự diệu. Ý nghĩa của Niệm Phật sơ lược như thế.

Hai câu: "Sanh thì nhất định sanh, diệt thì thật chẳng diệt", câu trước nói về sự, câu sau nói về lý. Vì Sự là "sự tức lý", nên sanh tức chẳng sanh, chẳng phải chỉ cho sanh là sanh. Lý là "lý tức sự", nên chẳng diệt mà diệt, chẳng phải chỉ cho chẳng diệt là chẳng diệt. Nếu hợp làm một câu thì sự lý viên dung, đó gọi là: "Hợp chi tắc song mỹ". Nếu phân thành hai câu thì sự lý sai biệt, đó gọi là: "Ly chi tắc lưỡng thương". Nếu chẳng hợp làm một, thì nên diễn thành bốn câu: Sanh thì nhất định sanh, sanh mà vô sanh; diệt thì thật chẳng diệt, chẳng diệt mà diệt. Tuy phân thành bốn câu mà nghĩa không tăng, hợp làm một câu mà nghĩa cũng chẳng giảm, vậy thì một nhiều, sự lý viên dung.

Thế nên chấp lý "diệt thì thật chẳng diệt", chẳng bằng chấp sự "sanh thì nhất định sanh" làm sở đắc. Vì sao? Vì chấp sự mê lý vẫn được vào các phẩm vãng sanh; còn chấp lý bỏ sự thì bị lạc vào không. Bởi sự có công năng hòa hợp lý và lý không có khả năng độc lập, nên cho "sanh là

sanh” thì rơi vào thường kiến, cho “chẳng diệt là chẳng diệt” thì rơi vào đoạn kiến. Đoạn, thường tuy đồng là tà kiến, nhưng lỗi của đoạn kiến sâu nặng hơn. Cho nên nói: “Chẳng bằng chấp sự làm sở đắc”. Nhưng, trọn vẹn hơn cả là dung hội hai câu này.

Một niệm hiện tiền của con người là duyên sanh mà vô tánh, vô tánh mà duyên sanh. Như chẳng sanh vào cõi Phật thì liền sanh vào chín cõi. Nếu căn cứ theo duyên sanh vô tánh thì chúng sanh và Phật bình đẳng nhất không. Nếu căn cứ theo vô tánh duyên sanh thì mười cõi hơn kém cách biệt. Vua A-kỳ-đạt lúc lâm chung bị người đuổi ruồi vô ý chạm phát trần vào mặt, liền khởi một niệm sân hận, sau khi chết bị đọa làm rắn độc. Một người phụ nữ bồng con qua sông, sẩy tay làm rơi đứa bé xuống nước, liền nhảy theo lặn vớt, không may cả hai đều chết. Bởi lòng từ nên người phụ nữ này được sanh lên cõi trời. Chỉ một niệm từ bi hoặc sân hận mà trời, vật khác xa. Vậy một niệm duyên sanh lúc lâm chung há chẳng thận trọng ư? Nếu lấy tâm này duyên niệm đức Di-đà, cầu sanh Tịnh Độ, há chẳng được thấy Phật mà vắng sanh ư? Nhưng một niệm này không thể bỗng nhiên có được, mà cần phải giữ tâm chí thành, thường ngày luôn niệm. Vì thế một câu Di-đà, chúng ta phải niệm đến ngàn, đến vạn; niệm một ngày, trọn năm, cũng chỉ vì để thuần thực mà thôi. Nếu được một niệm thuần thực thì lúc lâm chung chỉ có một niệm này, không xen niệm nào khác. Đại sư Trí Giả nói rằng: "Lúc lâm chung tâm tại định, tức là tâm thọ sanh Tịnh Độ". Vậy chỉ một niệm này, không còn niệm nào khác, chẳng phải là tâm tại định ư? Nếu thật niệm như thế, chẳng thấy đức Di-đà thì còn thấy ai đây? Chẳng sanh Tịnh Độ thì lại sanh vào chốn nào? Chỉ sợ người chẳng tin mà thôi!

Quán Kinh đã nêu hai câu: "Tâm này làm Phật, tâm này là Phật" thì các nghĩa: Tâm chẳng làm Phật, tâm chẳng là Phật; tâm tạo chín cõi, tâm là chín cõi; tâm chẳng tạo chín cõi, tâm chẳng là chín cõi đã hiển bày. Ôi! Nếu có người thấu hiểu lý này mà còn chẳng niệm Phật thì ta không biết làm sao, cũng đành vậy thôi !

Hai câu trên không chỉ là cương tông pháp yếu của riêng Quán Kinh, mà cũng chính là cương tông của Đại pháp trong một đời giáo hóa của

Thích-ca Như Lai; không chỉ là cương tông pháp tạng của riêng đức Thích-ca, mà cũng chính là cương tông pháp tạng của tất cả chư Phật trong mười phương ba thời. Hễ thấu được cương tông này thì tông nào chẳng thấu; pháp này đã rõ thì pháp nào chẳng rõ. Đó gọi là học tuy chẳng nhiều mà bằng các bậc thượng hiền vậy!

Lại chân pháp thì vô tánh, nhiễm tịnh chỉ tùy duyên. Nhất chân đã hiện, toàn thể thành mười cõi thì toàn thể mười cõi tức nhất chân. Vì thế người khéo luận bàn về tâm tánh ắt chẳng lìa nhân quả; người tin sâu nhân quả nhất định thấu rõ tâm tánh. Đó là lẽ tất nhiên.

Một niệm tâm năng niệm hiện tiền của con người toàn chân thành vọng, toàn vọng tức chân; suốt ngày tùy duyên, suốt ngày bất biến. Một câu Phật được niệm là từ toàn đức lập tên, ngoài đức chẳng có tên; dùng tên để hiển đức, ngoài tên chẳng có đức. Vậy ngoài tâm năng niệm không có Phật sở niệm; ngoài Phật sở niệm không có tâm năng niệm. Năng sở chẳng hai, chúng sanh và Phật không khác; vốn lìa bốn câu, bất trăm lỗi, khắp tất cả, chứa cùng tận, dứt đôi đái, tuyệt viên dung; chẳng thể nghĩ bàn. Hành giả Liên Tông nên từ nơi đây mà tin nhập.

Sát sanh, tội lỗi thật sâu nặng. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, mà có thể giết được ư? Tạo nghiệp sâu nặng, buông lung tâm sát, kết oán thù sâu, cảm quả báo khổ đều do sát sanh dẫn đến. Vì thế tâm sát dần dần mạnh, nghiệp sát dần dần sâu, dẫn đến giết người cho đến hàng thân thuộc; tích tụ dần lớn trở thành đại kiếp đao binh, thật đáng buồn tha! Bởi chẳng biết ngăn chặn tâm sát. Nếu biết thì muông sinh còn không nhẫn tâm giết, huống gì là người cho đến hàng thân thuộc? Muông sinh còn không nhẫn tâm giết thì kiếp đao binh từ đâu mà đến? Kẻ giết cha anh của người thì người sẽ giết lại cha anh của kẻ ấy. Biết không nên giết cha anh của người, cũng là dần dần ngăn chặn tâm sát. Chẳng biết mà giết hại cha anh của người, là do khởi đầu chẳng ngăn chặn tâm sát vậy.

Sở dĩ con người chẳng ngăn chặn tâm sát, bởi không thông đạt lý nhân quả. Nhân quả tức cảm ứng. Ta dùng tâm ác để cảm người, người cũng dùng tâm ác để ứng đến ta. Ta dùng tâm thiện để cảm

người, người cũng dùng tâm thiện để ứng đến ta. Người chỉ biết cảm ứng ở hiện đời, mà chẳng biết cảm ứng thông cả ba thời. Chỉ biết cảm ứng ở cõi người, chẳng biết cảm ứng thông cả sáu đường. Nếu biết cảm ứng thông cả sáu đường, ba thời, thì chúng sanh trong sáu đường đều là cha anh nhiều đời, vậy chẳng đáng ngăn chặn tâm sát ư? Dẫu biết cảm ứng thông cả sáu đường, thì cũng chẳng biết được cảm ứng thông cả thể gian và xuất thể gian. Nếu cảm với tâm vô ngã, thì quả Thanh Văn, Duyên Giác liền ứng; nếu cảm với tâm Bồ-đề lục độ vạn hạnh thì quả pháp giới Bồ-tát sẽ ứng. Nếu cảm với tâm bình đẳng đại từ, đồng thể đại bi thì quả pháp giới Phật sẽ ứng. Ôi! Đạo lý cảm và ứng thật có thể nói hết được sao?

Nên biết một câu "A-di-đà Phật" lấy "duy tâm" làm Tông. Nhưng nghĩa "duy tâm" cần phải dùng ba lượng để ấn định. Ba lượng là Hiện Lượng, Tỷ Lượng và Thánh Ngôn Lượng. Hiện Lượng tức thân chứng đạo lý ấy; như Đại Sư La-Thập lúc bảy tuổi theo mẹ đến chùa, thấy bát của Phật liền sanh tâm vui mừng lấy đội trên đầu. Bỗng chốc nghĩ rằng: “Ta tuổi nhỏ, bát Phật lại nặng, làm sao có thể đội được?” Niệm ấy vừa khởi, bỗng nhiên la lớn một tiếng, vội đặt bát xuống, ngộ được pháp duy tâm. Pháp sư Duy Hiểu người Cao Ly đến Trung Quốc học đạo, ban đêm tạm nghỉ nơi nghĩa địa, đến khuya quá khát nước, dưới ánh trăng sáng, Sư thấy một dòng nước trong mát hiện trước mặt, liền đưa bàn tay vốc lấy uống, cảm thấy rất thơm ngọt. Đến sáng hôm sau mới biết dòng nước này từ trong ngôi mộ tuôn ra, liền nôn mửa hết, bỗng nhiên ngộ được “vạn pháp duy tâm”. Sư liền trở về Cao Ly ghi chép lại. Đây đều là hiện lượng thân chứng. Tỷ Lượng tức là nương vào các tướng trạng để quán xét các nghĩa rồi so sánh mà biết. Trong các dụ chỉ có dụ về cảnh mộng là sát nhất. Như núi sông, người vật thấy trong mộng có ngàn sai muôn biệt, đều không lìa tâm mộng của ta. Lìa tâm mộng thì không một pháp nào có được. **Ngay đây có thể tỷ dụ mà biết tất cả vạn pháp hiện tiền chỉ do tâm hiển hiện. Thánh Giáo Lượng tức ngàn kinh vạn luận đều nói: "Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức".**

Trên đã y cứ vào ba lượng để xác định duy tâm. Bây giờ lại nương theo hai môn sự lý để biện minh về Lý cụ sự tạo. Nghĩa là do có Lý cụ (bản

tánh như thật xưa nay vốn đầy đủ) mới có Sự tạo (hiện tượng giới hiển bày do lý cụ tùy duyên). Nếu lý chẳng đầy đủ thì sự từ đâu mà tạo lập. Vì thế “lý cụ” chỉ là “cụ sự” tạo; là sự tạo thì không có lý cụ. Chỉ một niệm tâm này vốn đầy đủ vạn pháp trong mười cõi. Nên khi một niệm này tùy duyên thì tạo ra vạn pháp. Như trong vàng vốn có đủ tánh chất để thành bình, mâm, vòng, xuyên... đó là lý cụ; các duyên thợ, lò, kềm, búa... tạo thành các vật trên là sự tạo. Như trong bột gạo vốn đã đầy đủ tánh chất để tạo thành các món ăn, đó là lý cụ; các duyên thợ, nước, lửa... tạo thành các món ăn ấy là sự tạo.

Đã luận bàn về sự lý rồi, bây giờ lại căn cứ vào danh thể đồng dị để phân định chân vọng. Trong Phật pháp có những pháp danh đồng mà thể lại dị, có những pháp danh dị mà thể lại đồng. Về danh đồng thể dị, như một danh là “tâm” mà có nhục đoàn tâm, duyên lự tâm, tập khởi tâm, kiên thật tâm. Nhục đoàn tâm (quả tim thịt) đồng bốn đại, không có sự nhận biết. Duyên lự tâm (tâm phan duyên) chung cả tám thức; vì tám thức đều phan duyên suy lường cảnh tự phần, nên tâm này chỉ thuộc vọng. Tập khởi tâm chỉ nương thức thứ tám, vì gom chứa chủng tử và khởi hiện hành các pháp, nên tâm này thuộc chân vọng hòa hợp. Kiên thật tâm, tức là tánh chân thật bền chắc, là linh tri là niệm, là tâm thể thuần chân. Ở đây nói Duy Tâm tức chỉ tâm thuần chân này.

Về danh dị thể đồng, các từ : Chân Như, Phật tánh, Thật tướng, Pháp giới... mà trong kinh luận đã nói đều là chỉ cho tâm thuần chân này.

Đã phân biệt chân vọng, nay lại căn cứ theo bản hữu và hiện tiền để chiết trung chỉ bày. Các kinh đều nói: "Vô thi bản hữu chân tâm" (Chân tâm vốn có từ vô thi). Phàm đã nói Bản Hữu, thì nay há lại không ư? Bởi nay hiện có, nên nói là Bản Hữu. Nếu không có vô thi thì không có hiện tiền; như là hiện tiền há lại có vô thi sao? Vì thế chẳng cần phải tôn cao Bản Hữu, tìm xa vô thi; chỉ một niệm tâm tự tánh hiện tiền tức chân tâm bản hữu vậy. Một niệm hiện tiền toàn chân thành vọng, toàn vọng tức chân, suốt ngày tùy duyên, suốt ngày chẳng biến, là một niệm hiện tiền này há lại có chân tâm tự tánh ư? Cổ đức nói: "Mé kia Oai Âm chẳng là cánh cửa đời này, hiện hành vô minh của chúng sanh tức trí

thể bất động của chư Phật"; nghĩa ấy cũng tựa như thế! Từ bốn nghĩa trên mà hiển thị nghĩa Duy Tâm, cho nên chỉ lấy Duy Tâm làm Tông.

Câu A-Di-Đà lại lấy Duy Phật làm Tông. Vì tất cả pháp đã do tâm hiển hiện, thì toàn thể là Duy Tâm. Tâm không có đây kia, không có phần hạn. Vạn pháp trong mười cõi, hoặc là y báo, hoặc chánh báo, hoặc giả danh, hoặc thật pháp, chỉ tùy thuận nêu một pháp thì toàn thể đều tức tâm, là đầy đủ đại dụng của tâm. Tâm, ngang thì khắp mười phương, dọc thì xuyên suốt ba thời. Vì nghĩa duy tâm thành, nên nghĩa duy sắc, duy thanh, duy hương, duy vị, duy xúc, duy pháp cho đến duy hạt bụi, duy hạt cải, tất cả nghĩa "Duy" đều thành tựu. **Cho nên nói: "Tất cả pháp không có tướng nhất định, hễ gặp duyên tức đặt làm Tông".** Duy hạt bụi, duy hạt cải mà còn có thể làm Tông, huống gì quả địa Di-đà đủ tám vạn tướng hảo trang nghiêm, lại không thể lấy làm Tông ư? Vì thế lấy Duy Phật làm Tông.

Một câu A-Di-Đà cũng lấy "tuyệt đãi viên dung" (bất đối đãi, viên dung vô ngại) làm Tông. Vạn pháp trong mười cõi, tùy thuận nêu một pháp, thì toàn thể đều tức tâm, đầy đủ đại dụng của tâm; ngang thì khắp mười phương, dọc xuyên suốt ba thời; là bốn câu, bất trăm lỗi; độc thể toàn chân, không có gì bao phủ bên ngoài (Đại); thanh tịnh đầy khắp, không có gì chứa đựng bên trong (Tiểu). Một pháp đã thế, vạn pháp cũng đều như thế, mỗi mỗi đều y cứ vào đương thể của các pháp, bất đối đãi, không có pháp nào không hàm chứa. Đó là nghĩa "tuyệt đãi".

Lại vạn pháp trong mười cõi, mỗi mỗi đều biến khắp, hàm chứa trong nhau, đan dệt hiển bày, bao trùm thấu triệt, không hề chướng ngại, cũng chẳng hủy hoại, lại chẳng xen tạp. Như gương sáng trên đài, ảnh tượng hiện bày lớp lớp; như ánh sáng của ngàn muôn hạt châu trên màn lưới của trời Đế Thích, xoay vần giao thoa, nhiếp nhập. Đây là y cứ vào các pháp luân chuyển đan xen, đối đãi nhau mà thành nghĩa viên dung. Nay hợp tuyệt đãi và viên dung làm một Tông. Đang khi tuyệt đãi tức viên dung, đúng lúc viên dung lại tuyệt đãi. Chẳng phải là tuyệt đãi mà có được viên dung, tuyệt đãi là tuyệt đãi cái viên dung kia. Chẳng phải là viên dung mà có tuyệt đãi, viên dung là viên dung chỗ tuyệt đãi ấy. Tuyệt đãi và viên dung, mỗi mỗi

đều chẳng thể nghĩ bàn. Nay cùng hợp làm một tông thì trở thành chẳng nghĩ bàn trong chẳng thể nghĩ bàn.

Lại lấy nghĩa siêu việt tình thức, xa lìa các kiến làm Tông. Bởi chỉ y cứ theo các pháp tuyệt đối đãi, lìa bốn câu, bất trăm lỗi thì đã vượt trên vọng tình chấp trước của phàm phu và sở kiến sai biệt của hiền thánh ba thừa. Nếu y cứ vào các pháp viên dung, bao trùm bốn câu, dung hội trăm lỗi thì lại càng chẳng phải là chỗ đạt đến của tình phàm kiến thánh. Cho nên lập chung nghĩa siêu việt tình thức, xa lìa các kiến làm Tông.

Đầu tiên lấy duy tâm làm Tông, kế đến lấy Duy Phật, rồi “tuyệt đãi viên dung” và sau cùng là “vượt tình thức, lìa sở kiến”. Tóm lại bốn lớp tông chỉ này mới là tông chỉ của một câu Di-đà; như thế há dễ luận bàn ư ?

Pháp môn Niệm Phật như bầu trời trùm khắp, tựa mặt đất chỗ cùng. Không một người, một pháp nào lọt ra ngoài, không ở trong đó. Như toàn Kinh Hoa Nghiêm có Ngũ Chu, Tứ Phần(1) khác nhau, nhưng không ngoài hai chữ “nhân quả”. Tâm nhân của 41 giai vị Bồ-tát, không một tâm nào không hướng đến Quả Giác. Các pháp hành tu tập của 41 giai vị, há chẳng phải đều từ pháp hành Niệm Phật ư? **Cuối bộ kinh thì lấy nghĩa Bồ-tát Phổ Hiền dùng 10 nguyện lớn dẫn dắt chúng sanh trở về Cực Lạc làm điểm then chốt quy kết toàn kinh. Thật chẳng đúng như thế sao? Vả lại nói Hoa Nghiêm tức là dùng “nhân hoa” vạn hạnh để trang nghiêm “quả Phật” nhất thừa. Vạn hạnh này há chẳng phải là hạnh Niệm Phật ư?** Kinh Hoa Nghiêm có vô lượng môn như Bà-tu-mật nữ, Vô Yểm Túc vương, Bà-la-môn Thắng Thực..., nhưng đều hiển bày cảnh giới Tỳ-lô. Vậy vô lượng môn này chẳng phải là môn Niệm Phật ư? Còn Kinh Pháp Hoa, từ đầu đến cuối đều khai, thị, ngộ, nhập Tri Kiến Phật. Đó chẳng phải đã nói trước sau chỉ có một pháp môn Niệm Phật ư? Như Kinh Lăng Nghiêm, đầu tiên hiển thị tánh Như Lai tạng, nói nhân chân chánh thành Phật; kế đó chọn lấy pháp môn Nhĩ Căn Viên Thông, là nói đến diệu hạnh thành Phật; sau cùng nêu 60 Thánh vị viên mãn Bồ-đề, trở về cảnh giới vô sở đắc, chứng cực quả Phật địa. Nếu trái với điều này thì đắm chìm trong bảy đường(1); còn thuận với đạo ấy thì biết rõ năm ám ma nhiều loạn.

Cuối cùng kinh nói: "Nếu có người, thân mang 4 tội trọng, 10 Ba-la-di, chớp mắt trải qua địa ngục A-tỳ ở chốn này phương nọ, cho đến các Vô Gián ở mười phương, nếu có thể trong một niệm đem pháp môn này chỉ bày cho người chưa học ở thời mạt kiếp thì tội chướng của người ấy tùy niệm kia mà tiêu trừ, biến nhân khổ phải thọ ở địa ngục thành cõi An Lạc".

Vậy suốt đầu, suốt cuối chỉ có một pháp môn Niệm Phật. Toàn bộ giáo pháp của một đời Đức Phật, 3 tạng 12 thể loại kinh, cho đến các pháp môn Bán, Mãn, Quyền, Thật, Thiên, Viên, Đốn, Tiệm đều hiển thị "duy tâm tự tánh", thành tựu trọn vẹn Diệu Giác vô thượng mà thôi! Đó há chẳng phải tổng gom vào một đại pháp môn Niệm Phật sao? Đến như Thiên tông, khi Đạt-ma Đại Sư từ Tây Trúc đến cũng chỉ nói: "Chỉ thẳng tâm người, thấy tánh liền xong". Vậy đã nói thành Phật thì chẳng phải Tông môn cũng là Niệm Phật môn ư? Cho nên 1.700 tác công án của 2 phái, 5 tông(1) chẳng qua cũng là chỉ bày bản nguyên tự tánh, hiển thị pháp thân thanh tịnh vốn có của hành giả mà thôi.

Pháp thân, ngang thì khắp mười phương, dọc thì suốt ba thời, không đâu chẳng bao trùm. Người tu Thiền cần phải thời thời hiện tiền, niệm niệm tương ưng. Như vậy có chỗ nào mà nói là không phải pháp môn Niệm Phật ? Đến như nói: "Một chữ PHẬT ta chẳng muốn nghe", "đánh một gậy chết tốt ném cho chó ăn..." cũng đều là phương tiện hướng thượng thù thắng dùng để hiển bày Pháp Thân, là niệm Phật chân thật vậy.

Có một số người không biết gì thường cho rằng người trong Tông môn không nên niệm Phật, người này không chỉ không biết niệm Phật, mà còn chẳng thật biết Tông môn. Không chỉ hai môn Tông và Giáo như thế, mà hàng sĩ, nông, công, thương, bách gia, chư tử trong khắp thiên hạ, dầu không muốn niệm Phật, không biết Phật, cũng không thể thoát ra ngoài pháp môn Niệm Phật được. Bởi đến đi, động tĩnh đều tuân theo đạo này, trăm họ hằng ngày thường dùng mà chẳng biết. Đó gọi là :

*Nhất khí bất ngôn hàm hữu tượng,
Vạn linh hà xứ tạ vô tư.*

Và :

*Hiệp lộ đào hoa phong vũ hậu,
Mãi đề vô địa tị tàn hồng.*

Tạm dịch :

- *Nhất khí(1) không lời trùu hữu tượng(2)
Hàm linh đồng hưởng đức vô tư.*

- *Đường hẹp, hoa đào sau mưa gió
Vó câu đâu tránh được cánh hồng.*

Một là chân thật vì sanh tử mà phát tâm Bồ-đề, đó là con đường chung để học đạo. Hai là dùng Tín trì niệm danh hiệu Phật làm chánh tông của Tịnh Độ. Ba là lấy nhiếp tâm chuyên chú trì niệm làm phương tiện hạ thủ công phu. Bốn là lấy việc chiết phục phiền não hiện hành làm nhiệm vụ cốt yếu để tu tâm. Năm là giữ gìn bền chắc bốn giới trọng để làm cột gờ bước vào đạo. Sáu là tu tập các hạnh khổ để làm duyên trợ tu. Bảy là lấy nhất tâm chẳng loạn làm nơi quy hướng của Tịnh Độ. Tám là dùng các điềm linh dị cát tường để chứng nghiệm việc vắng sanh. Tám việc này, mỗi mỗi nên thông thiết giảng nói, người tu Tịnh nghiệp chẳng thể chẳng hay.

Nơi chúng sanh phải luân hồi chính là sáu đường. Trong đó, chỉ chúng sanh ở cõi người mới có thể điều phục tâm ý, hướng đến Bồ-đề. Còn các đường khác, luôn bị các nỗi kinh sợ, sân hận, khổ vui bức bách, không còn thời gian nào để hướng tâm về Đạo. Do đó kẻ mất thân người thì nhiều như đất trong đại địa; được thân người thì hiếm như đất dính trong móng tay. Vậy thân người há dễ được lắm sao? Chúng sanh cõi người từ khi mới sanh ra, lớn lên cho đến già chết, những điều mắt thấy tai nghe đều là những trần lao thế gian, là nghiệp duyên sanh tử, Phật pháp đâu dễ được nghe? Được thân người

đã khó, được thân nam đầy đủ sáu căn càng khó hơn. Được nghe Phật pháp đã khó, được nghe danh hiệu Di-đà, pháp môn Tịnh Độ càng khó hơn. Đâu dễ may mắn được thân người khó được, nghe Phật pháp khó được nghe, nay đã được nghe rồi mà còn chẳng chịu tin, chẳng chịu hành trì, thật đáng tiếc thay!

Hãy gác qua việc chẳng tin, nay chỉ nói đến tin mà thôi. Như tin mà chẳng phát nguyện thì cũng như chẳng tin. Đã phát nguyện mà chẳng hành trì, thì cũng như chẳng nguyện. Hành trì mà chẳng đồng mãnh, thì cũng như chẳng hành. Hành trì sở dĩ không đồng mãnh là do nguyện chẳng thiết tha; nguyện sở dĩ chẳng thiết tha là do lòng tin chẳng chân thật. Tóm lại, sanh lòng tin chân thật quả rất khó. Nếu Tín thật đã chân, thì nguyện tự sẽ tha thiết; nguyện thật đã tha thiết, thì hành trì tự nhiên đồng mãnh. Tín đã chơn, nguyện đã thiết, thêm sức hành trì đồng mãnh, thì nhất định vãng sanh Tịnh Độ, nhất định gặp đức Phật Di-đà, chứng ba Bất Thoái, được giai vị Nhất Sanh Bồ Xứ. Đã sanh về Tịnh Độ, thì vĩnh viễn đoạn dứt cội gốc sanh tử từ vô lượng kiếp đến nay. Đã được giai vị Nhất Sanh Bồ Xứ thì quả Diệu Giác vô thượng chí tôn nhất định thành tựu. Nhưng chỗ quyết định của một niệm tín tâm chân thật này đâu phải tầm thường; nếu duyên chướng đạo chẳng mỏng, nghiệp sanh tử chẳng nhẹ, gốc thiện chẳng trồng từ lâu, duyên lành đời trước sâu dày thì đâu được như thế? Nhưng chúng sanh từ vô lượng kiếp đến nay chẳng thể tự biết được nghiệp lực nặng hay nhẹ, căn lành sâu hay cạn mà nghiệp lực do tâm chuyển biến, căn lành thì do người đắp vun.

Vì thế người hoằng pháp cần phải dùng phương tiện khéo léo, khẩn thiết chỉ bày; còn người học đạo phải chuyên tâm gắng sức, mạnh mẽ tiến tu. Chỉ cần một lời thể nhập vào tai, một niệm phát động tâm trí, tức có thể chuyển biến nghiệp lực, vun đắp căn lành. Còn dù qua tai biết bao nhiêu ngôn từ khai thị khẩn thiết mà chưa từng thể nhập được một lời, dù gặp biết bao cảnh thuận nghịch mà chẳng có một niệm phản phát thì đó là chân nghiệp lực sâu nặng, chân thiện căn nhẹ mỏng. Như vậy thì chẳng biết phải làm sao?

Một niệm tâm tánh hiện tiền vốn đồng thể với Phật, mà Phật đã giác ngộ từ lâu, còn ta thì vẫn si mê. Phật tuy đã ngộ nhưng chẳng tăng; ta tuy còn mê nhưng chẳng giảm. Phật dù chẳng tăng, nhưng vì thuận tánh nên hưởng thọ đại pháp lạc. Ta dù không giảm, nhưng vì trái tánh nên gặp khổ não lớn. Trong tâm tánh đồng thể, tuy Phật hưởng thọ niềm vui pháp, nhưng bởi đồng thể đại bi, vô duyên đại từ, nên niệm niệm đều nhớ đến ta, nhiếp hóa ta. Lại trong tâm tánh đồng thể, tuy ta gặp các khổ, nhưng chẳng biết cầu khẩn Phật, nhớ nghĩ đến Phật, chỉ tùy cảnh sanh tâm, theo tình tạo nghiệp, từ vô số kiếp đến nay đã tạo tất cả tội ngũ nghịch, thập ác; lãnh thọ các khổ não lớn nơi tám nạn, ba đường. **Hễ nói đến thì thật hổ thẹn; hễ nghĩ đến thì thật hãi hùng. Ví như đời này chẳng niệm Phật thì vẫn như cũ một bề tạo các nghiệp, lãnh thọ các khổ. Như thế chẳng đáng hổ thẹn, chẳng đáng kinh sợ ư?**

Nay biết Phật có tâm đại từ đại bi, niệm niệm luôn luôn nhớ nghĩ, nhiếp hóa ta thì ta nay cảm ân đức của Phật nên phải niệm Phật. Trong kiếp số dài lâu một bề luống thọ các khổ, nay muốn cầu thoát khổ nên phải niệm Phật. Nghiệp đã tạo, nay chẳng biết làm sao, mà lại tạo thêm nghiệp ở vị lai ư? Nghĩ như thế liền sanh lòng **hổ thẹn, nên phải niệm Phật**. Tâm tánh đồng thể đã vốn có, nay há lại không ư? Chỉ thiếu sự chứng ngộ; vì cầu ngộ, nên phải niệm Phật. Vì tâm cầu ngộ mà niệm Phật thì niệm Phật nhất định khẩn thiết; vì tâm hổ thẹn mà niệm Phật thì niệm Phật nhất định khẩn thiết; vì tâm sợ khổ mà niệm Phật thì niệm Phật nhất định khẩn thiết; vì tâm cảm ân mà niệm Phật thì niệm Phật nhất định khẩn thiết. Ta không niệm Phật, Phật còn nhớ nghĩ đến ta; nay ta khẩn thiết niệm Phật, nhất định Phật càng nhớ nghĩ đến ta hơn. **Bồ-tát Đại Thế Chí nói rằng: "Chư Phật trong mười phương thương xót nhớ nghĩ đến chúng sanh như mẹ nhớ con; nếu con bỏ mẹ, tuy mẹ có nhớ cũng không biết làm sao? Nếu con nhớ mẹ như mẹ nhớ con, thì mẹ con đời đời chẳng xa cách nhau. Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật thì hiện đời và mai sau nhất định thấy Phật, cách Phật chẳng xa; chẳng nhờ phương tiện mà tự tâm khai ngộ".** Đó là lời chỉ dạy thống thiết từ cảnh giới thân chứng của Đại Sĩ. Ta nay niệm Phật thì nhất định thấy được Phật. Vừa thấy Phật liền thoát khỏi các khổ, tức có ngày khai ngộ.

Như thật được khai ngộ thì liền một phen tẩy sạch tâm hồ thẹn từ quá khứ. Như thế mà còn chẳng niệm Phật sao?

Tất cả chúng sanh xưa nay là Phật, chân tâm vốn có, vọng tánh nguyên không, tất cả pháp thiện đã tự đầy đủ. Chỉ vì nhiều kiếp theo duyên mê nhiễm, nên chưa đoạn được vọng nguyên không, chưa chứng được chân vốn có, chưa tu các thiện vốn đủ, chưa thành được Phật "vốn là" (bản thị). Nay muốn đoạn được vọng nguyên không, chứng chân vốn có, tu thiện vốn đủ, thành Phật "vốn là", theo duyên ngộ tịnh, mà tìm cầu con đường thẳng tắt nhất, mau chóng nhất, chí viên, cực đốn thì không gì bằng hạnh trì niệm danh hiệu Phật. Bỏ tâm năng niệm vốn toàn chân mà thành vọng, nhưng toàn vọng lại tức chân. Phật sở niệm cũng vốn từ toàn đức lập danh, nên toàn danh tức đức. Ngoài tâm năng niệm không có Phật sở niệm, ngoài Phật sở niệm không có tâm năng niệm. Năng sở đều lìa, tâm Phật nhất như, trong mỗi mỗi niệm đều chế phục, đoạn trừ ngũ trụ phiền não; xoay chuyển, diệt tận ba chương tạp nhiễm; phá 5 ám, vượt 5 trước, tịnh 4 độ, niệm 3 thân, tu vạn hạnh, chứng bản chân để thành tựu Diệu Giác vô thượng. Một niệm đã như thế, niệm niệm đều như thế, chỉ cần niệm niệm tương tục thì phục, đoạn, tu, chứng có công hiệu chẳng thể nghĩ bàn. Bỏ dùng tâm toàn Phật niệm Phật toàn tâm thì tất cả oai thần của Phật quả vốn có nơi tự tâm sẽ thâm gia bị. Một câu Phật hiệu chẳng lần tạp duyên, mười niệm công phu thành, chóng vượt qua nhiều kiếp. Như thế mà chẳng tin thì đồng gỗ đá. Bỏ đây mà tu pháp khác không phải cuồng ất cũng si. Thế thì còn nói gì, còn biết nói gì đây?

Hỏi: Các phương đều có Tịnh Độ, sao lại chỉ khen ngợi phương Tây, cầu nguyện sanh về?

Đáp: Vì đây chẳng phải là ý của hàng thế trí, mà chính là lời chỉ dạy rõ ràng, chân thật phát ra từ kim khẩu Như Lai. Vì các kinh Đại thừa hiển, mật đồng quy hướng. Vì khiến cho người mới phát tâm chuyên chú một cảnh, hầu dễ thành tựu Tam-muội. Vì lấy bốn nguyện làm duyên thì duyên mạnh; mười niệm làm nhân thì nhân thù thắng. Vì Phật và chúng sanh có duyên. Chúng sanh ở cõi này không luận là tăng tục, nam nữ, già trẻ, thiện ác, như khi gặp phải các cảnh duyên quá thuận nghịch khổ

vui, phần lớn đều từ đó buộc miệng phát ra một tiếng niệm Phật. Như không niệm thì thôi, hễ niệm ắt niệm Phật A-di-đà. Việc ấy ai xui khiến nên? Bởi chúng sanh từ lâu đã nhờ ơn Phật giáo hóa, từ lâu đã thọ nhận ân đức của Phật, có duyên sâu nặng với Phật. Và lại, Kinh Di-đà này khi ngài La-thập vừa dịch thành thì ngài Huệ Viễn liền cùng với 123 người nương vào đó lập ra hội niệm Phật, 123 người ấy lần lượt thị tịch, lúc lâm chung đều có lưu lại những điềm lành. Cho dù chim anh vũ hay cụ già niệm Phật, khi chết đều có tướng lành xuất hiện. Những điều đó, nếu chẳng phải chúng sanh đã có duyên sâu với Phật thì gọi là gì?

Kinh Vô Lượng Thọ ghi: "Mai sau khi kinh đạo diệt hết, Ta dùng nguyện lực chỉ giữ lại kinh này thêm 100 năm để độ khắp chúng sanh". Sở dĩ chẳng giữ lại kinh khác mà chỉ giữ lại kinh này, đâu chẳng vì pháp môn này dễ hành trì và hợp với các căn cơ, lại an ổn vào đạo mà mau chóng đạt được lợi ích ư? Do đó biết rằng, thời gian càng về lâu sau, pháp môn này càng hợp cơ.

Chúng sanh thế gian khi gặp phải cảnh nguy cấp thống khổ thì thường kêu cha mẹ, trời đất. **Nhưng chẳng biết cha mẹ, trời người chẳng thể cứu giúp sự sanh tử của ta, đoạn dứt sự luân hồi của ta, bởi họ đồng ở trong sanh tử luân hồi như ta.** Các bậc Thánh tam thừa, tuy đã ra khỏi sanh tử, nhưng không có tâm Đại Bi, không làm lợi ích cho ta được. Các Bồ-tát, tuy có tâm Đại Bi, nhưng tâm chứng của các ngài có phần hạn, chưa thể làm lợi ích khắp chúng sanh, thỏa mãn tất cả các ước nguyện. Chư Phật trong mười phương, tuy đã chứng đắc cùng tận pháp giới, nhưng ta không dễ cảm đến các ngài, dầu có cảm thấu đến mà thấy được, chẳng qua cũng chỉ tạm thời lìa khổ, chưa thể đạt đến rốt ráo. **Chỉ có Phật A-di-đà, chúng sanh vừa thấy Ngài liền thoát khỏi sanh tử, vĩnh viễn đoạn trừ gốc khổ. Chỉ một câu "A-di-đà Phật" là nơi đáng để ta dốc tâm ra sức. Tôi có một câu kệ rằng :**

*Suy nghĩ khắp muốn lìa ba cõi
Chẳng niệm Di-đà biết niệm ai ?*

Niệm Phật thì chẳng khó, mà khó ở chỗ giữ cho được bền bỉ, lâu ngày không gián đoạn. Nếu được cứng chắc như sắt đã luyện thành,

thếp đã tôi xong, như một người chống muôn người, ngàn Thánh ngăn chẳng được, vạn trâu kéo chẳng quay đầu, lâu ngày chảy thàng, nhất định sẽ cảm thông tương ứng. Nếu chưa dụng tâm được như thế, vội cho rằng lời Phật không chứng nghiệm, tâm Phật khó cảm ứng, há có nên chăng? Chỉ cần được nhất niệm cảm thông, liền ra khỏi sanh tử, thẳng đến vị Bất Thoái, trọn thành Phật quả. Há có việc dễ thực hành vậy sao?

Biết nhỏ mà chẳng biết lớn, thấy gần mà chẳng thấy xa, đó là thói thường của chúng sanh. Như đức Phật A-di-đà vốn có ân đức lớn đối với chúng sanh mà chúng sanh chẳng biết. Từ vô lượng kiếp xưa, Ngài ở trước đức Phật Thế Tụ Tại Vương, vì tất cả chúng sanh khổ ở thế giới ác trước phát 48 nguyện lớn. Lại nương nơi nguyện tu tập hạnh Bồ-tát trải qua kiếp số lâu xa; bỏ ngôi vị Kim Luân vương, quốc gia, vợ con, đầu mắt tủy não chẳng biết bao nhiêu ngàn vạn ức lần. Đó chỉ là một hạnh bố thí tài vật nội ngoại trong vạn hạnh. Như thế nhẫn được điều mà mọi người chẳng thể nhẫn, làm những việc mà người chẳng thể làm. Viên tu vạn hạnh, lực đạt tột cùng, thuần thực công phu, thành tựu Tịnh nghiệp, đạt đến Phật quả, phân thân vô số, dùng các phương tiện, dẫn dắt quần sanh đồng sanh Cực Lạc. Thế thì như vì một người, nhiều người cũng thế. Từ nhiều người mà quán xét thì thấy Phật vì tất cả chúng sanh. Nếu từ một người mà quán xét thì thấy Phật chỉ vì một mình ta. Vì ta mà phát đại nguyện xứng tánh, vì ta mà tu tập đại hạnh nhiều kiếp, vì ta mà nghiêm tịnh bốn độ, vì ta mà viên mãn ba thân, cho đến nơi nơi hiện thân tiếp dẫn, chón chón hiển thị tướng lành. Tất cả là vì ta vậy. Khi ta tạo nghiệp, Phật cảnh giác; khi ta thọ khổ, Phật cứu giúp; khi ta về nương thì Phật nhiếp thọ; khi ta tu hành thì Phật gia hộ. Sở dĩ Phật vì ta tất cả, cũng chỉ muốn ta niệm Phật, muốn ta vãng sanh, muốn ta vĩnh viễn thoát khổ, hưởng thọ pháp lạc; lại muốn ta tiếp nối hóa độ tất cả chúng sanh cho đến Nhất Sanh Bồ Xứ mà thôi.

Ôi! Ân sâu đức nặng của Phật, cha mẹ chẳng thể ví bằng; dù đất trời có cao dày đến mấy cũng không thể sánh được. Nếu chẳng nghe khai thị đâu biết được nghĩa này? Chẳng đọc kinh Phật, nào hiểu được lý ấy? Từ nay về sau đã biết rồi thì chỉ có việc gắng sức

tiến tu, trọn báo thân này chí thành nương gá, chẳng kể thân mạng một lòng niệm Phật mà thôi, còn gì phải bàn nữa?

Tất cả chúng sanh đều bị mười sử lợi độn sai khiến mà lưu chuyển trong sanh tử trải qua vô số kiếp, chịu khổ não lớn, chẳng thể xa lìa, thật đáng thương xót. Mười sử gồm năm lợi sử là Thân kiến, Biên kiến, Tà kiến, Kiến thủ, Giới cấm thủ. Gọi là “lợi”, bởi năm sử này phát khởi nhanh nhẹn, nhạy bén. Năm độn sử là Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi. Năm món này từ lợi sử sanh khởi, đối với lợi mà gọi là “độn”. Mười sử này, tất cả chúng sanh, hoặc ít hoặc nhiều đều có nghiêng về. Nếu mang nó mà tu tập, chỉ tăng thêm tà kiến phiền não, nhất định không có phần tương ưng. Còn muốn đoạn trừ nó thì thật khó.

Mười sử này trong ba cõi, chín địa phối hợp với Tứ Đế, phát sanh 88 sử Kiến hoặc, 81 phẩm Tư hoặc. Chỉ đoạn Kiến hoặc cũng đã như chặn dòng sông rộng 40 dặm, hướng gì Tư hoặc? Nếu còn mây may Kiến, Tư hoặc chưa đoạn, tức chẳng thể xa lìa phần đoạn sanh tử. Đó gọi là dọc thì ra khỏi ba cõi. Thật khó! Thật khó!

Mười sử này gọi chung là “tri kiến chúng sanh”. Cổ đức nói: "Dùng Tri Kiến Phật đối trị Tri Kiến chúng sanh". Tri kiến Phật tức một điểm linh tri hiện tiền là niệm. Nhưng linh tri này chẳng thể độc lập, mà phải tùy duyên khởi. Nếu chẳng theo duyên khởi Phật giới thì liền theo duyên khởi chín cõi; là mười cõi thì không có duyên khởi nào khác. Muốn theo duyên khởi Phật giới không gì hơn dùng tâm tín, nguyện trì danh hiệu Phật. Nhưng Tín cốt ở sâu, nguyện cốt ở thiết, trì danh cốt ở chuyên. Nếu với tâm sâu, thiết, chuyên để tín, nguyện và trì danh, tức đã dùng tri kiến Phật làm tri kiến tự kỷ, cũng là trong niệm niệm dùng tri kiến Phật đối trị tri kiến chúng sanh. Trong tâm mười sử sục sôi kia chỉ cần đặt vào một tâm tín, nguyện, trì danh thì liền chuyển duyên khởi chín cõi làm duyên khởi Phật. Đó là pháp môn cực diệu "chỉ sắt thành vàng" trong môn tu đạo. Chỉ cần tận lực gánh vác, lâu ngày chẳng đổi thay, bảo đảm rằng có thể ngồi đợi đài vàng, không bao lâu sen báu sẽ đến tiếp đón. Đó là từ cõi Đồng Cư này sanh về cõi Đồng Cư kia, thẳng tắt vượt ba cõi; so với thứ lớp tiến tu chẳng phải ít phí sức hơn ư?

Một câu "A-di-đà Phật" là phương thuốc A-già-đà(1) chữa lành tất cả các bệnh, là hạt châu như ý làm thỏa mãn tất cả các nguyện, là thuyền từ trên biển sanh tử giúp người vượt qua tất cả khổ, là đèn trí huệ chiếu phá tất cả tối tăm. Chỉ cần một câu này lọt vào tai thì liền kết được duyên. Chỉ một niệm tâm tin sâu thì liền có thể tương ưng. Tín tâm đã thật chân thì nguyện không cầu mà tự phát. Hai tâm tín nguyện này phải luôn tồn tại nơi tâm, như tôi trung vãng theo mật chỉ của vua sáng; như con hiếu nhận lấy nghiêm mệnh của cha hiền, ghi nhớ mãi chẳng quên, lấy đó làm phận sự trọng yếu. Như thế, chẳng luận ở nơi cảnh giới nào, hoặc vắng vẻ, hoặc ồn náo, hoặc an nhàn, hoặc bận rộn, nhiều niệm, ít niệm... tất cả đều là chánh niệm vãng sanh. Chỉ ngại ở chỗ siêng năng hoặc biếng trễ mà thôi. Chúng sanh đã phải chịu sanh tử luân hồi từ bao kiếp trước đến nay, lẽ nào vĩnh viễn không phát tâm cầu xuất ly, tu hạnh hướng về đạo sao? Bởi buông lung mà phê bỏ, bởi biếng nhác mà bại hoại, nên mãi ở trong sanh tử, chịu khổ não lớn. Nay nghe pháp môn trì danh đơn giản mà thiết yếu này, lại vẫn còn y theo vết cũ, ở yên nơi chỗ bại hoại thì thật là một kẻ không có phẩm tánh và khí chất cương cường chánh trực vậy!

Chấp trì danh hiệu Phật tức là thân tâm thành khẩn, tin phục hành trì, là giữ chặt nơi tâm, không phút giây quên bỏ. Nếu có một niệm gián đoạn thì chẳng phải là chấp trì, nếu có một niệm xen tạp cũng chẳng phải là chấp trì. Cần phải niệm niệm liên tục không tạp, không đoạn. Đó mới là chân tinh tấn. Tinh tấn mãi mãi thì dần dần đạt đến nhất tâm bất loạn, thành tựu trọn vẹn Tịnh nghiệp. Nếu đã đạt đến nhất tâm bất loạn mà vẫn luôn tinh tấn, ắt sẽ khai hiện trí huệ, phát khởi biện tài, chứng đắc thần thông, thành tựu Niệm Phật Tam-muội, cho đến các tướng lành linh dị đều hiển hiện. Như hình người bằng sáp đặt gần lửa, chỗ mỏng sẽ thủng trước. Nhưng chẳng nên định đặt tâm mong cầu chứng nghiệm, mà chỉ cần nỗ lực nơi nhất tâm bất loạn. Nhất tâm bất loạn là nơi quy hướng của Tịnh nghiệp, là cửa lớn của Tịnh Độ. Nếu chưa thâm nhập được cửa này thì trọn không thể xong việc. Người học há chẳng gắng sức ư?

Tu tập tất cả pháp môn, cốt yếu phải rõ Tông, đạt chỉ. Ngày nay mọi người chỉ biết "vạn pháp duy tâm", mà chẳng biết "tâm duy vạn pháp".

Chỉ biết ngoài tâm không Phật, chẳng biết ngoài Phật không tâm. Chỉ biết vô lượng là một, chẳng biết một là vô lượng. Chỉ biết chuyển núi sông đại địa trở về nơi tự kỷ, chẳng biết chuyển tự kỷ đến khắp núi sông đại địa. Nhưng nếu chẳng biết “tâm từ vạn pháp sanh” thì há lại thật biết vạn pháp do tâm sanh ư? Đã chẳng biết ngoài Phật không có tâm, há lại thật biết ngoài tâm không có Phật ư? Như trái cầu tròn bỏ làm hai phần, nếu phân ra thì cả hai đều hư hoại, nếu hợp lại thì toàn vẹn.

Vì thế người niệm Phật, nhất định phải đặt "duy Phật, duy Tịnh Độ" làm Tông. Nếu tông Duy Phật Duy Độ chẳng rõ biết thì nghĩa Duy Tâm chân thật chẳng thành. Nếu thấu đạt nghĩa Duy Tâm chân thật thì tông Duy Phật Duy Độ tự thành. Tông này đã thành thì một câu Phật sở niệm, quốc độ sở sanh khởi đại dụng toàn thể, ngang khắp mười phương, dọc suốt ba thời, bao trùm chẳng sót. Sở niệm đã thế, năng niệm cũng như thế. Đó gọi là dùng tâm Thật Tướng niệm Phật Thật Tướng. Dùng tâm pháp giới niệm Phật pháp giới. Niệm niệm bất đối đãi, niệm niệm cực viên dung. Vì bất đối đãi nên siêu việt tất cả các pháp môn, không pháp môn nào sánh bằng. Vì cực viên dung nên gồm thu tất cả pháp môn, không pháp môn nào nằm ngoài. **Đây gọi là: "Pháp không có tướng nhất định, gặp duyên liền nhận làm Tông, phát khởi đại dụng, hiển hiện ắt toàn chân".** Một câu A-di-đà Phật cần phải tin như thế, niệm như thế mới thật là chẳng thể nghĩ bàn trong chẳng thể nghĩ bàn vậy!

"Cái" mà chúng sanh và Phật bình đẳng đồng có, chính là linh tri hiện tiền là niệm này. Nhưng chư Phật bởi tùy nhân duyên tịnh ngộ, ngộ rồi lại ngộ, tịnh càng thêm tịnh, ngộ và tịnh đến chỗ cùng tột. Cho nên linh tri này, ngang thì khắp mười phương, dọc thì suốt ba thời, rộng lớn không gì ở bên ngoài nó. Còn chúng sanh bởi tùy nhân duyên nhiễm mê, mê rồi lại mê, nhiễm càng thêm nhiễm. Cho nên một điểm linh tri ấy bị cực hạn, rút ngắn, chỉ còn nhỏ bé và yếu kém. Nhưng đương thể của linh tri nhỏ bé này đồng với linh tri rộng lớn của chư Phật, không máy may sai biệt. Ví như được tùy duyên tịnh ngộ, nghiệp nhân bất dứt, tình thức rỗng không thì linh tri nhỏ bé ấy lập tức chuyển thành linh tri rộng lớn vô biên. Như một đóm lửa có thể đốt cháy vạn khoảnh rừng hoang.

Nhưng một niệm linh tri hiện tiền này, nếu luận theo cảnh sở tri thì có rộng hẹp, hơn kém khác nhau. Nếu luận theo trí năng tri thì hoàn toàn không khác. Như đồng là lửa, nếu đốt gỗ Chiên-đàn thì tỏa hương thơm, nếu đốt phân dơ thì phát mùi hôi. Vật được đốt dù khác, nhưng lửa dùng để đốt thì không hai. Như đồng là nước mà trong đục khác nhau. Đồng là gương mà mờ, sáng sai biệt. Trong, đục dù khác, nhưng tánh ướt chẳng khác. Mờ và sáng tuy khác mà thể của sáng chẳng khác. Bởi nước đồng tánh ướt, nếu đục thì lắng cho trong. Bởi gương đồng một thể sáng, nếu mờ thì lau chùi cho sáng. Gương sáng bị mờ là do dính bụi dơ, bụi dơ chẳng phải trong sáng, trong sáng là bản thể của gương. Nước đục là do hòa lẫn bùn đất, bùn đất chẳng phải là tánh ướt, ướt là bản tánh của nước. Một niệm linh tri này cũng như tánh ướt của nước, tánh trong sáng của gương, tánh nóng đốt của lửa, toàn thể chẳng khác. Bởi toàn thể không khác, nên có rất nhiều môn phương tiện tu đạo. Có người ngưỡng mộ chư thánh, có người chỉ trọng tánh linh của tự kỷ; có người, ngoài thì mến mộ chư thánh, trong thì tôn trọng tánh linh tự kỷ; có người không mến mộ chư thánh cũng không tôn trọng tánh linh.

Ngưỡng mộ chư thánh, như người niệm Phật chân thật, biết chư thánh đều đã chứng đắc tánh linh nơi ta, nên nói, nín, động, tịnh đều có thể làm mô phạm cho người. Nếu chúng ta chẳng ngưỡng mộ chư thánh thì không có đường tiến tu. Cho nên, người này hoặc chuyên trì danh hiệu, hoặc quán tưởng thanh sắc, ba nghiệp chí thành, sáu thời kính lễ, dốc lòng nương tựa, trọn kiếp vâng theo; rồi thời tiết đến, nhân duyên thuận thực, cảm ứng tương giao, bỗng nhiên, đất tâm rộng mở, linh quang hiển lộ. Lúc ấy mới biết tánh linh nơi ta bình đẳng không khác chư thánh, vì thế cần phải tôn trọng.

Chỉ tôn trọng tánh linh, như người tham thiền trong Tông môn, bởi từ "chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật", cho nên, suốt ngày 12 thời (24 giờ) chỉ muôn trong bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi hiển bày mặt mũi của chính mình, thọ dụng diệu đức của Pháp Thân thật tướng. Ngoài tâm tánh thì không mấy may chấp thủ. Mặc tình cho ngàn thánh hiện tiền, ta đây đã có Thiên Chân Phật. Một khi công phu đạt đến chỗ sâu xa, chứng ngộ đã cùng tột, mới biết tất cả chư thánh đều đã chứng ngộ tánh linh nơi ta thì càng phải ngưỡng mộ.

Lại, ngoài thì ngưỡng mộ chư thánh, trong thì tôn trọng tánh linh, như muốn tôn trọng tánh linh, ắt phải ngưỡng mộ chư thánh, bởi ngưỡng mộ chư thánh chính là tôn trọng tánh linh. Lại ngưỡng mộ chư thánh, ắt cần tôn trọng tánh linh. Nếu chẳng tôn trọng tánh linh, há có thể ngưỡng mộ chư thánh được ư? Đó là trong ngoài giao nhau tu tập, tâm Phật đồng tôn trọng. Đã không chấp bên nào thì đường tiến tu càng nhanh chóng, một khi lực đến tột cùng, công được thuần thực thì toàn thể tương ưng. Lúc ấy mới biết chư thánh chẳng qua cũng chỉ đã chứng tánh linh nơi ta mà thôi, không cần phải ngưỡng mộ. Nhưng tánh linh nơi ta chẳng qua cũng bình đẳng với chư thánh mà thôi, đâu cần phải tôn trọng.

Chẳng ngưỡng mộ chư thánh, chẳng tôn trọng tánh linh, tức chẳng dính mắc mảy may, tâm và Phật đều quên, trừ bỏ tất cả, vơi vơi không nương gá. Bên ngoài thì xa lìa thế giới, bên trong thì thoát khỏi thân tâm. Một niệm chẳng sanh, vạn duyên đều đoạn. Lâu ngày công phu thuần thực, chứng nhập trọn vẹn, tánh linh hiển lộ, chóng đồng chư thánh. Tuy chẳng ngưỡng mộ chư thánh, nhưng lại khéo ngưỡng mộ. Tuy chẳng trọng tánh linh mà thật tôn trọng.

Bốn môn trên đây, người học hãy tự lượng xét căn tánh của mình, chỉ nên thuận ưa thích một môn mà thâm nhập, lâu ngày nhất định sẽ tương ưng. Cần nhất là chớ nên vọng khởi chấp trước, đối sanh luận bàn; lấy bỏ, khen chê cũng chỉ là một chữ chẳng khác; như thế không chỉ trái với diệu đạo mà còn chướng ngại; sợ rằng sẽ phi báng đại pháp mà rước lấy tội lỗi.

Kinh Lăng Già ghi: "Chỗ biết của chư Thánh lần lượt được truyền trao, vọng tưởng vốn vô tánh". Nhị Tổ nói: "Tìm tâm trọn không thể được". Luận Khởi Tín ghi: "Nếu có người khéo quán Vô Niệm, tức đã hướng đến trí Phật". Hoa Nghiêm Hợp Luận ghi: "Đón ngộ một niệm duyên khởi vô sanh, liền siêu việt các kiến giải của Tam Thừa Quyền Học". Kinh Phật, lời Tổ, luận của Bồ-tát, thiện tri thức đều y cứ một niệm hiện tiền để chỉ bày, hiển thị tánh vọng vốn không. Phàm vọng vốn không mà chân vốn có, vậy không là Phật thì là gì? Bởi chúng sanh từ lâu đã tùy duyên ô nhiễm, chưa chóng khôi phục "vốn không" kia. Nay cần phải dùng duyên khởi thanh tịnh dần dần chuyển biến.

Lại dùng tâm nhân "ta tức Phật" để niệm quả Phật "ta tức tâm". Nhân quả xưa nay xuyên suốt, tâm Phật vốn thể nhất như. Nhưng quả Phật "Ta tức tâm" có đại từ vô duyên, đại bi đồng thể, vốn chẳng nghĩ bàn. Còn tâm nhân "ta tức Phật" có tin sâu, nguyện thiết, thành khăn trì danh cũng chẳng nghĩ bàn. Trong mỗi mỗi niệm đều gan lảng trần nhiễm, hiển bày "vốn không", chóng hội nguồn linh, thẳng đến biển quả. Thế thì duyên thanh tịnh, không có gì vượt qua niệm này. Chỉ cần trong lúc niệm nên buông bỏ vạn duyên, đề khởi một niệm, khẩn thiết như cứu lửa cháy đầu, như mất cha mẹ, như gà ấp trứng, như rồng dưỡng châu. Chẳng mong quả nhỏ, chẳng cầu mau thành. Chỉ tâm luôn niệm như thế. Đó gọi là Thiền môn thâm diệu vô thượng. Bảy giờ căn thân, thể giới thâm tùy thuận tâm, niệm niệm chuyển biến, nhất định chẳng phải là chỗ thấy biết của tâm phàm, mất thịt. Cho đến lúc thân hoại mạng chung, đức Di-đà và Thánh chúng bỗng nhiên hiện tiền, đồng thời mùi hương lạ, tiếng nhạc trời, các tướng lành linh dị hiển hiện. Lúc ấy người đời mới cho là Tịnh nghiệp thành tựu. Nhưng sự thành tựu Tịnh nghiệp, há mới đến lúc này sao ?

Người niệm Phật nên sanh bốn tâm: Một là nên sanh tâm hổ thẹn, bởi từ vô thủy đến nay đã tạo biết bao nghiệp chướng; hai là nên sanh tâm vui mừng, bởi được nghe pháp môn này; ba là nên sanh tâm thống thiết, vì nghiệp chướng từ vô thủy khiến khó gặp khó biết được pháp môn này; bốn là nên sanh tâm cảm kích, vì Phật từ bi vô lượng như thế. Chỉ khởi một trong bốn tâm thì Tịnh nghiệp ắt thành tựu. Niệm Phật cần phải lâu dài mà không được gián đoạn. Nếu gián đoạn, sẽ không thành tựu Tịnh nghiệp. Đã lâu dài lại cần phải đồng mãnh, không được biếng trễ. Nếu biếng trễ cũng không thành tựu Tịnh nghiệp. Lâu dài mà không đồng mãnh, tức sẽ lui sụt. Đồng mãnh mà không dài lâu, sẽ không tăng tiến.

Khi niệm Phật không nên khởi niệm tưởng khác. Không khởi tưởng tức là "Chỉ". Khi niệm Phật cần phải niệm niệm rõ ràng; niệm niệm rõ ràng tức là Quán. Trong một niệm đã đầy đủ Chỉ và Quán, chứ chẳng có Chỉ Quán nào khác. Chỉ là nhân của Định, Định là quả của Chỉ. Quán là nhân của Huệ, Huệ là quả của Quán. Một niệm chẳng sanh, rõ rõ ràng ràng, tức tịch mà chiếu. Rõ rõ

ràng ràng, một niệm chẳng sanh tức chiếu mà tịch. Đạt được như thế, Tịnh nghiệp nhất định thành tựu. Thành tựu như thế, đều đạt đến Thượng phẩm. Từ một người cho đến trăm, ngàn, vạn, ức người nếu tu tập như thế, đều sẽ thành tựu như thế. Hành giả niệm Phật há chẳng tự răn nhắc ư?

(Trích từ Triệt Ngô Thiên Sư Ngữ Lục)

